

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
(GARMEX SAIGON)

☎*☎

Số: 27/CBTT-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

☎*☎

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN**

- Mã chứng khoán : **GMC**
- Địa chỉ : 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ : 028 39844822 Fax: 028 39844746
- E-mail: headoffice@garmex.vn website: <https://www.garmex.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn công bố Báo cáo thường niên năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/03/2025 tại đường dẫn <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm :

Báo cáo thường niên năm 2024

Đại diện tổ chức
Người Đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH HÀNG



GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>
Tel: 028-39844822 Fax: 028 - 39844746 Email : headoffice@garmex.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN	Trang 3
1. Thông tin khái quát	Trang 3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	Trang 5
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	Trang 6
4. Định hướng phát triển	Trang 9
5. Các nhân tố rủi ro	Trang 10
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2024	Trang 12
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	Trang 12
2. Tổ chức và nhân sự	Trang 14
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	Trang 15
4. Tình hình tài chính	Trang 17
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	Trang 18
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	Trang 20
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2024	Trang 26
1. Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024	Trang 26
2. Tình hình tài chính	Trang 26
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	Trang 27
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	Trang 27
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	Trang 28
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	Trang 28
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2024	Trang 30
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2024	Trang 30
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	Trang 30
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	Trang 31
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	Trang 32
1. Hội đồng Quản trị	Trang 32
2. Ban Kiểm soát	Trang 38
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	Trang 39
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	Trang 41

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Tên Tiếng Anh : Garmex Saigon Corporation
- Tên viết tắt : Garmex Saigon
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày lần đầu 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 03/10/2022
- Vốn điều lệ: 330.002.590.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024: 365.844.906.373 đồng
- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : (028) 3984 4822
- Số fax : (028) 3984 4746
- Website : <https://www.garmex.vn>
- Mã cổ phiếu : GMC

Quá trình hình thành và phát triển Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”)

Năm 1976

Công ty được thành lập vào năm 1976 - một năm sau ngày đất nước thống nhất với tên gọi là Liên hiệp Các Xí nghiệp May Thành phố Hồ Chí Minh, đơn vị chủ quản quản lý một số các xí nghiệp may xuất khẩu ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại 213 Hồng Bàng, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Năm 1993

Năm 1993, Liên hiệp Xí nghiệp May Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức lại thành Công ty Sản Xuất - Xuất nhập khẩu May Sài Gòn (“Garmex Saigon”).

Năm 2004

Năm 2004, Garmex Saigon tiến hành cổ phần hóa và đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 07/01/2004 với Tên là “Công ty cổ phần sản xuất Thương Mại May Sài Gòn”. Cho đến thời điểm này, Garmex Saigon đang hoạt động với 4 chi nhánh hạch toán phụ thuộc: Mặt bằng 213 Hồng Bàng (nay là Trung Tâm Logistic Hồng Bàng), Nhà máy may An Nhơn (nay là Trung Tâm Logistic An Nhơn), Nhà Máy may An Phú, Nhà máy may Bình Tiên. Trụ sở chính của Công ty đặt tại 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Năm 2006

Năm 2006, Garmex Saigon niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) với mã chứng khoán là GMC theo Giấy phép Niêm yết số 101/UBCK-GPNY ngày 06/12/2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Năm 2012

Năm 2012, Garmex Saigon được Columbia Sportswear (Mỹ) trao tặng Cúp Performance Excellence cho những thành tích nổi bật về chất lượng, thời gian giao hàng, khả năng phát triển mẫu, và trách nhiệm với cộng đồng xã hội trong Hội nghị Thượng đỉnh thường niên tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2013

Năm 2013, Garmex Saigon vinh dự nhận Huân Chương Lao Động Hạng 3 do những thành tích đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh và chăm lo đời sống của Người Lao Động. Trong năm, Garmex Saigon cũng vinh dự được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là 1 trong 50 “Doanh Nghiệp Niêm Yết tại Việt Nam Có Hoạt Động Tốt Nhất”.

Năm 2014

Năm 2014, Garmex Saigon lần thứ 2 được Columbia Sportswear (Mỹ) trao tặng Cúp Performance Excellence cho những thành tích nổi trội về chất lượng, thời gian giao hàng, khả năng phát triển mẫu, và trách nhiệm với cộng đồng xã hội trong Hội nghị Thượng đỉnh thường niên tổ chức tại Hà Nội. Garmex Saigon tiếp tục vinh dự được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là 1 trong 50 “Doanh Nghiệp Niêm Yết tại Việt Nam Có Hoạt Động Tốt Nhất”.

Năm 2018

Công ty đoạt giải: Top 5 báo cáo thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ và Top 5 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ.

Năm 2019

Công ty tiếp tục đoạt giải: Top 5 báo cáo thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ và Top 5 doanh nghiệp có báo cáo quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ.

Ngày 03/05/2019, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25/04/2019 Công ty đổi tên từ “Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn” sang “Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn” và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300742387 thay đổi lần thứ 15 ngày 03/05/2019.

Tháng 07/2019, Công ty tăng vốn điều lệ lên 178.809.280.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018.

Năm 2020

Công ty tiếp tục đoạt giải Top 5 Doanh nghiệp quản trị Công ty tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ.

Ngày 14/01/2020, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng Vốn Điều lệ lên 267.963.650.000 đồng.

Ngày 31/08/2020, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019, tăng Vốn Điều lệ lên 300.052.800.000 đồng.

Năm 2021

Ngày 01/09/2021, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2020, tăng Vốn Điều lệ lên 330.002.590.000 đồng.

Ngày 20/10/2021, Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn là 49% theo công văn chấp thuận của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước số 6346/UBCK-PTTT ngày 15/10/2021.

Năm 2023

Ngày 22/06/2023, Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn là 0% theo công văn chấp thuận của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước số 3862/UBCK-PTTT ngày 20/06/2023.

Năm 2024

Ngày 30/12/2024, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 748/QĐ-SGDHCM về việc hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn (Mã chứng khoán: GMC). Theo đó:

- Ngày hủy niêm yết có hiệu lực : **24/01/2025**
- Lý do hủy niêm yết: Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn bị ngừng các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính từ 01 năm trở lên, thuộc trường hợp chứng khoán bị hủy niêm yết bắt buộc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 120 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
- Ngày giao dịch cuối cùng của cổ phiếu GMC tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh: **23/1/2025**.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

- May trang phục (trừ trang phục từ da và lông thú): May công nghiệp, sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại.
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. : Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác (May gia công tủ vải).
- Kinh doanh bán lẻ thuốc

Địa bàn kinh doanh:

- Hàng may mặc : Sản phẩm của Công ty chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản
- Hàng tủ công nghiệp : Gia công cho khách hàng trong nước
- Kinh doanh bán lẻ thuốc: Trong nước

Khách hàng:

- Hàng may mặc : Decathlon (Pháp), Columbia (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Níts (Nhật Bản).
- Hàng tủ công nghiệp: Công ty GILIMEX

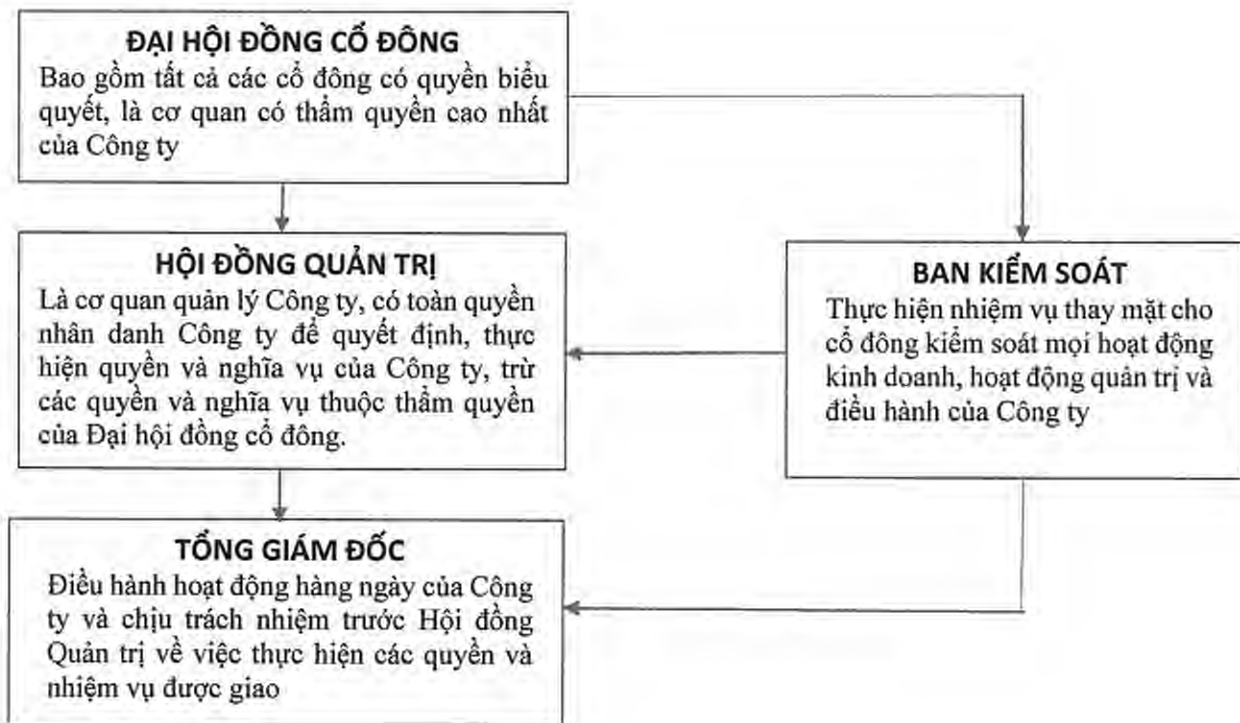
Năm 2024, Công ty vẫn còn bị tạm ngưng sản xuất kinh doanh chính, Công ty tập trung chủ yếu công tác bảo quản tài sản, xử lý và thanh lý nguyên phụ liệu tồn kho lâu năm. Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và định hướng chiến lược của HĐQT, đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế Công ty.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

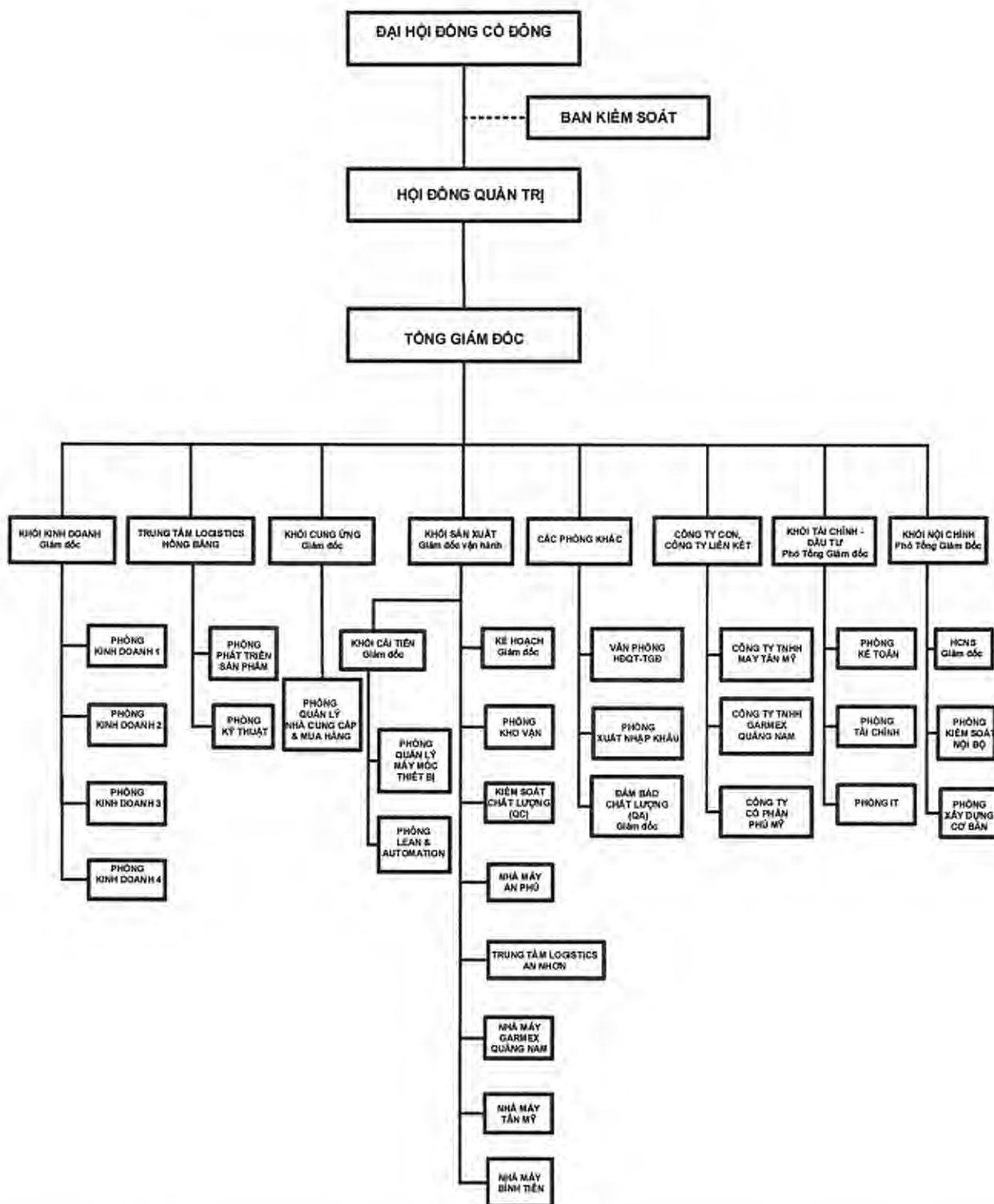
3.1. Mô hình quản trị

Công ty hoạt động với mô hình công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm :

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Tổng Giám đốc



**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN**



Ghi chú: Sơ đồ tổ chức này được Hội đồng quản trị Công ty ban hành theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT/2021 ngày 27/01/2021. Tuy nhiên, từ năm 2023 đến năm 2024, Công ty đã cắt giảm hầu hết nhân sự tại các khối, phòng ban do đã bị tạm ngừng sản xuất từ tháng 05/2023.

3.2. Các công ty con, liên kết, chi nhánh

3.2.1. Chi nhánh của Công ty :

3.2.1.1. Trung Tâm Logistics An Nhơn

- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Diện tích: 14.000 m²
- Năng lực sản xuất: 15 chuyên may
- Lĩnh vực sản xuất : Sản xuất hàng may mặc và tủ vải công nghiệp.

3.2.1.2. Nhà máy May An Phú

- Địa chỉ: 14/5 Quốc lộ 22, Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh
- Diện tích: 14.000 m²
- Năng lực sản xuất: 20 chuyên may
- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất hàng may mặc và tủ vải công nghiệp

3.2.1.3. Nhà máy May Bình Tiên

- Địa chỉ: 55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
- Diện tích xây dựng: 637 m²
- Tổng diện tích sàn: 2.872 m²
- Năng lực sản xuất : 02 chuyên may
- Lĩnh vực sản xuất : May mẫu hàng may mặc và sản xuất các đơn hàng nhỏ

3.2.1.4. Trung Tâm Logistics Hồng Bàng

- Địa chỉ: 213 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Tổng diện tích sàn sử dụng: 2.632 m²
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Phát triển sản phẩm hàng may mặc, bán lẻ thuốc.
- Năng lực dự kiến: 02 chuyên may mẫu.

3.2.2. Công ty con:

3.2.2.1. Công ty TNHH May Tân Mỹ

- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ sở hữu: 100%
- Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất hàng may mặc và tủ vải công nghiệp
- Diện tích: 50.000 m²
- Năng lực sản xuất: 36 chuyên may

3.2.2.2. Công ty TNHH Garmex Quảng Nam

- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ thực góp : 86.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 100%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất hàng may mặc và tủ vải công nghiệp

Công ty TNHH Garmex Quảng Nam có :

- Chi nhánh của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam: Nhà máy May Garmex Quảng Nam
Địa chỉ: Lô B/B2, Cụm Công Nghiệp Hà Lam Chợ Đước, Xã Bình Phục, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam.

Diện tích : 26.000 m²

Năng lực sản xuất: 30 chuyên may

Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất hàng may mặc và tủ vải công nghiệp

- Công ty con của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam là Blue Saigon LLC (100% vốn của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam), kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ.

Blue Saigon LLC tạm ngưng hoạt động vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 22/11/2023, Blue Saigon LLC đã làm hồ sơ gửi Bang California để xin giải thể.

Ngày 01/12/2023, Công ty nhận được chấp nhận cho phép giải thể của Bang California.

Ngày 11/09/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam đã ban hành Quyết định số 2200/QĐ-BKHDT về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số 201500059 của Công Ty TNHH Garmex Quảng Nam.

3.2.3. Công ty liên kết

Công ty cổ phần Phú Mỹ:

- Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.
- Địa chỉ: Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm khu công nghiệp
- Tỷ lệ sở hữu: 32,47% Vốn cổ phần
- Giá trị đầu tư của Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn tại công Ty Cổ Phần Phú Mỹ tính đến 31/12/2024 là 23.914.030.000 VND.

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tiếp tục tiết giảm chi phí
- Tăng cường công tác bảo quản tài sản.
- Hợp tác với đối tác để khai thác các mặt bằng hiện có.
- Thanh lý tài sản không sử dụng.
- Thúc đẩy khách hàng để giao hàng.
- Kinh doanh nhà thuốc tại 213 Hồng Bàng.
- Theo dõi, thúc đẩy Công ty cổ phần Phú Mỹ hoàn thành Dự án nhà ở Phú Mỹ để bán sản phẩm nhằm thu hồi vốn đầu tư.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Công ty xác định ngành may vẫn là ngành nghề chính. Tuy nhiên, tình hình ngành may vẫn còn khó khăn về đơn hàng. Các điều kiện về xanh hóa ngành may vẫn chưa chuyển đổi kịp. Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu đầu tư các ngành mới theo xu thế để phát triển Công ty trong trung và dài hạn vì ngành truyền thống đang rất khó khăn.
- Sử dụng các nguồn lực hiện có để khai thác, hợp tác sản xuất kinh doanh.

Các mục tiêu phát triển bền vững :

Đối với môi trường: Công ty luôn ý thức bảo vệ môi trường thông qua công tác giám sát, cải tiến các hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường, luôn tuân thủ, chấp hành các quy định pháp luật về môi trường.

Văn hóa: CBCNV đều được quan tâm tạo điều kiện phát triển, phát huy tối đa năng lực, môi trường làm việc thân thiện “Cùng làm việc – Cùng chia sẻ để thành công”

Pháp lý: Nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật.

Sân phẩm: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

5. Các nhân tố rủi ro

Rủi ro kinh tế:

Năm 2024, Trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, xung đột leo thang ở nhiều khu vực, tình hình kinh tế trong nước có xu hướng phục hồi, tăng trưởng khởi sắc dần. Ngành dệt may đứng trước áp lực về tính ổn định đơn hàng, ít có cơ hội tiếp cận đơn hàng lớn, tăng trưởng xanh cũng là thách thức không nhỏ khi chuyển đổi đối với các doanh nghiệp dệt may của Việt Nam.

Riêng với Garmex SaiGon, năm 2024, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục khó khăn, không có đơn hàng để sản xuất. Do đó, Công ty vẫn bị tạm ngưng sản xuất và cắt giảm hầu hết lao động để giảm thiểu thiệt hại.

Rủi ro lãi suất :

Năm 2024, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) đã cắt giảm lãi suất, lạm phát giảm ở hầu hết các quốc gia do giá thực phẩm, năng lượng và hàng hóa giảm, khối lượng thương mại toàn cầu phục hồi.

Trong năm, Garmex SaiGon vẫn bị tạm sản xuất, do vậy công ty không có nhu cầu vay vốn nên tại các ngân hàng thương mại nên không chịu tác động của lãi suất cho vay.

Rủi ro tỷ giá:

Hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu nguyên phụ liệu để sản xuất, xuất khẩu hàng may mặc, nhìn chung các Công ty ngành may hàng xuất khẩu sẽ chịu tác động đáng kể khi có biến động tỷ giá. Tuy nhiên, trong năm 2024, Công ty không có đơn hàng, không nhập khẩu nguyên phụ liệu nên tỷ giá ảnh hưởng không đáng kể đến hoạt động của Công ty.

Rủi ro đặc thù ngành:

Nguyên vật liệu: Nguyên vật liệu của ngành dệt may Việt Nam do nguồn cung trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu nên còn phải nhập khẩu để đáp ứng sản xuất. Việc nhập khẩu nguyên vật liệu sẽ làm tăng chi phí sản xuất, giảm lợi nhuận kinh doanh khi có biến động về giá nguyên vật liệu, phí vận chuyển đồng thời cũng ảnh hưởng đến thời gian sản xuất của các công ty thuộc ngành dệt may có nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Năm 2024, Công ty không có đơn hàng may mặc, không nhập mua nguyên vật liệu nên không bị ảnh hưởng bởi rủi ro này.

Nguồn nhân công: Hơn 50% chi phí của các công ty ngành may mặc là chi phí nhân công do đây là ngành có mức độ sử dụng lao động cao. Việc tăng lương tối thiểu vùng cũng ảnh hưởng ít nhiều đến chi phí lao động tại các doanh nghiệp may mặc và mất dần lợi thế lao động giá rẻ của Việt Nam. Bên cạnh đó, chất lượng lao động ổn định cũng được quan tâm hàng đầu bởi các yêu cầu của thị trường xuất khẩu ngày càng khắt khe hơn, đòi hỏi nhân công phải có tay nghề cao; ngoài

ra các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang thu hút lao động có chuyên môn của các doanh nghiệp ngành may mặc, ảnh hưởng đến nguồn lực, thời gian đào tạo lao động mới, gây khó khăn cho các doanh nghiệp ngành dệt may.

Năm 2024, do tình hình khó khăn, Công ty không có đơn hàng, Công ty đã cắt giảm hầu hết lao động, bị tạm ngừng sản xuất và thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ cho người lao động nghỉ việc.

Luật pháp:

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất xuất khẩu hàng may mặc nên Công ty chịu sự chi phối của Luật quốc tế và các quy định, chính sách đối với ngành dệt may. Bên cạnh đó, Công ty còn bị ảnh hưởng bởi Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp lý liên quan khác. Sự thay đổi về các quy định, chính sách của Nhà nước liên quan đến ngành dệt may và Luật quốc tế đều ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng và toàn ngành dệt may nói chung.

Hiện nay, Việt Nam đang trong giai đoạn bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống luật pháp để phù hợp với tình hình thực tại, tạo dựng môi trường kinh doanh văn minh, minh bạch hơn, thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Để đề phòng sự ảnh hưởng của rủi ro pháp luật, Công ty luôn nắm bắt và cập nhật những quy định mới, đưa ra các thay đổi phù hợp về chính sách quản lý, chiến lược kinh doanh cho Công ty.

Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác cũng có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, dịch bệnh... Những rủi ro này rất khó để dự báo trước, và một khi đã phát sinh thì thường gây ra thiệt hại lớn cho Công ty cả về người và tài sản. Công ty chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty, duy tu bảo dưỡng cơ sở vật chất hạ tầng, trang bị các thiết bị bảo vệ an toàn theo quy định và tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ nhân viên về những kiến thức cần thiết để đảm bảo an toàn khi có rủi ro xảy ra, luôn chủ động lên kế hoạch phòng ngừa, ứng phó kịp thời nhằm hạn chế rủi ro.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam

Năm 2024, Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều rủi ro, bất ổn, xung đột leo thang ở nhiều khu vực, kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, lạm phát được hạ nhiệt, nhiều nền kinh tế lớn đã bắt đầu quá trình cắt giảm lãi suất. Tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 3,2% (Theo Báo cáo Triển vọng kinh tế tháng 12/2024 của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD)).

Việt Nam với tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa đạt 405, 53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm 2023 (số liệu của Tổng cục Thống kê), tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2024 tăng 7,09% so với năm 2023 (Theo số liệu của Tổng Cục thống kê), kinh tế có xu hướng phục hồi, tăng trưởng khởi sắc dần, lạm phát thấp hơn mức mục tiêu, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra, là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới (theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Tình hình ngành dệt may.

Theo đánh giá của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas) cho thấy năm 2024, trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, xung đột leo thang ở nhiều khu vực; giá xăng dầu, cước vận tải biến động mạnh, kinh tế thương mại phục hồi chậm, tổng đầu tư toàn cầu sụt giảm, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng diễn biến phức tạp nhưng Việt Nam nhờ đón được sóng dịch chuyển đơn hàng nên vẫn giữ được mức tăng trưởng, kim ngạch xuất khẩu toàn ngành dệt may ước đạt 44 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2023 với thị trường xuất khẩu lớn như: Hoa Kỳ (16,71 tỷ USD), Nhật (4,57 tỷ USD), EU (4,3 tỷ USD)....

Năm 2024, Công ty không có đơn hàng để sản xuất. Do đó, Công ty tiếp tục bị tạm ngưng sản xuất để giảm thiểu thiệt hại và tập trung:

- Tiếp tục tiết giảm chi phí
- Tăng cường công tác bảo quản tài sản, xử lý và thanh lý nguyên phụ liệu tồn kho lâu năm. Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty đã thanh lý toàn bộ nguyên phụ liệu tồn kho với số tiền thu được là 1.519.000.400 đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT)
- Tìm kiếm đối tác để khai thác các mặt bằng hiện có.
- Đẩy nhanh các thủ tục để chuyển nhượng bán các tài sản không sử dụng. Tính đến ngày 31/12/2024 đã thanh lý một số máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ với số tiền là 9.283.352.903 đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT) - Chiếm 2,4% tổng giá trị tài sản Công ty theo Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2024.
- Thúc đẩy đối tác để giao hàng. Tuy nhiên, vẫn chưa giao được hàng tồn kho 160.660 sản phẩm tủ vải (số tiền gia công hàng tồn kho và khách hàng chưa thanh toán là 121.907.164.547 đồng).
- Đã triển khai kinh doanh Nhà thuốc tại 213 Hồng Bàng (Được Sở Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp phép đủ điều kiện kinh doanh dược – Bán lẻ thuốc)
- Theo dõi, thúc đẩy Công ty cổ phần Phú Mỹ về Dự án nhà ở Phú Mỹ để bán sản phẩm nhằm thu hồi vốn góp. (Công ty cổ phần Phú Mỹ đã thi công xong hạ tầng).
- Đảm bảo thu nhập ổn định và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ Tăng/Giảm
				2024 so với 2023
1	Doanh thu thuần	8.296.582.790	2.127.943.650	-74,35%
2	Giá vốn hàng bán	12.299.993.015	192.127.044	-98,44%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	7.539.733.206	4.587.908.030	-39,15%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	48.929.283.569	45.903.822.746	-6,18%
5	Phần lỗ trong công ty liên kết	-467.822.572	-6.417.162.748	1271,71%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-45.860.783.160	-45.797.260.858	Giảm lỗ 0,14%
7	Lợi nhuận khác	1.307.233.579	5.568.622.567	325,99%
8	Lợi nhuận trước thuế	-44.553.549.581	-40.228.638.291	Giảm lỗ 9,71%
9	Lợi nhuận sau thuế	-51.944.754.105	-29.881.480.249	Giảm lỗ 42,47%
10	Lợi nhuận trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	-1.576	-907	Giảm lỗ 42,45%

Doanh thu thuần năm 2024 chỉ đạt 2,1 tỷ đồng, giảm 74,35% so với năm 2023. Lợi nhuận trước thuế lỗ 40,2 tỷ đồng. Trong đó, hoạt động kinh doanh lỗ 45,8 tỷ đồng, lợi nhuận khác lãi 5,6 tỷ đồng

Nguyên nhân là do:

Trong năm tài chính 2024, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp khó khăn, không có đơn hàng để hoạt động, Công ty đã bị tạm ngưng sản xuất để giảm thiểu thiệt hại, thực hiện tiết kiệm chi phí, tập trung vào bảo vệ tài sản, xử lý thanh lý nguyên phụ liệu tồn kho lâu năm, tiếp tục thúc đẩy khách hàng giải quyết hàng tồn kho từ vài năm vẫn phát sinh chi phí tiền lương cho nhân sự kho, nhân viên nghiệp vụ gián tiếp và các chi phí khác. Do vậy kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty vẫn lỗ.

Lợi nhuận khác của công ty tăng từ 1,3 tỷ đồng lên 5,6 tỷ đồng, chủ yếu do Công ty có khoản lợi nhuận thu từ thanh lý nguyên phụ liệu tồn kho lâu năm, tài sản cố định, công cụ dụng cụ hư hỏng, không còn sử dụng.

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2023	Thực hiện Năm 2024	Kế hoạch Năm 2024	TH	Tỷ lệ
					2024/ KH 2024	Tăng/Giảm 2024 so với 2023
1	Doanh thu thuần	8.296.582.790	2.127.943.650	50.462.000.000	4,22%	-74,35%
2	Lợi nhuận trước thuế	-44.553.549.581	-40.228.638.291	40.000.000.000	Không đạt	Giảm lỗ 9,71%
3	Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	-	-	79,27%	Không đạt	-
4	Cổ tức/vốn điều lệ	0%	0%	0%	-	-

Các chỉ tiêu thực hiện năm 2024 đều không đạt so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Nguyên nhân: Do chưa giao được hàng từ vài tồn kho và chưa thanh lý được tài sản như kế hoạch đã trình Đại Hội cổ đông.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban Điều hành

Danh sách Ban điều hành của Công ty gồm:

STT	Thành viên	Chức danh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Hằng	Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Người đại diện theo pháp luật Công ty	34.148 cổ phần	0,10%	
2	Trần Thị Mỹ Hạnh	Kế toán trưởng	2.274 cổ phần	0,007%	

2.2. Tóm tắt Lý lịch

Bà NGUYỄN MINH HẰNG – TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY

Ngày tháng năm sinh : 18/06/1977
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/1999 – 01/2004 : Nhân viên Kế toán Cty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
 - 01/2004 – 12/2006 : Nhân viên Kế toán Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
 - 01/2007 – 02/2008 : Phó phòng Kế toán Thống kê Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
 - 03/2008 – 5/2009 : Trưởng phòng kế toán Thống kê Công ty Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn;
 - 06/2009 – 03/2014 : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
 - 04/2014 – 02/2015 : Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
 - 03/2015 – 07/2018 : Đảng ủy viên, Giám đốc Tài chính kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn.
 - 01/08/2018 – 25/09/2022 : Đảng ủy viên, Giám đốc tài chính, phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính và Đầu tư Cty cổ phần Garmex Sài Gòn.
 - 05/12/2018 – 23/05/2021 : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn.
 - 26/09/2022 – Nay : Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, Đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn.
- Chức vụ hiện nay : Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, Đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn.
- Chức vụ tại tổ chức khác : Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Cty TNHH Garmex Quảng Nam (Công ty con của Cty cổ phần Garmex Sài Gòn)
- Tổng số cổ phần cá nhân sở hữu : 34.148 cổ phần , chiếm 0,1% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn.

TRẦN THỊ MỸ HẠNH – KẾ TOÁN TRƯỞNG CÔNG TY

Ngày tháng năm sinh : 13/12/1976
Trình độ chuyên môn : Cử nhân - chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ ngày 02/05/2013 đến nay : Kế toán trưởng Công ty TNHH Garmex Quảng Nam
- Từ ngày 01/08/2018 đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ hiện nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ tại tổ chức khác : Kế toán trưởng Công ty TNHH Garmex Quảng Nam (Công ty con của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn)
- Tổng số cổ phần cá nhân sở hữu : 2.274 cổ phần, chiếm 0,007% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành :

Trong năm 2024, Công ty không có thay đổi trong Ban điều hành

2.4. Cơ cấu lao động:

Tổng số lao động Công ty gồm 31 người (Số lao động tính đến ngày 31/12/2024, giảm 04 lao động so với năm 2023), cơ cấu như sau:

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Tỷ trọng
I	Theo giới tính:	31	100,00%
	Nam	21	67,74%
	Nữ	10	32,26%
II	Theo hợp đồng lao động:	31	100,00%
	Không xác định thời hạn	30	96,77%
	Xác định thời hạn	1	3,23%
III	Theo trình độ:	31	100,00%
	Đại học	12	38,71 %
	Cao đẳng	05	16,13 %
	Trung cấp	03	9,68 %
	Phổ thông	11	35,48 %

Trong năm công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định của luật và hỗ trợ đầy đủ các khoản phúc lợi cho người lao động khi nghỉ việc. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm, động viên, đảm bảo đời sống và môi trường làm việc cho người lao động còn đang làm việc tại Văn phòng Công ty, Nhà máy, Công ty con trực thuộc và thực hiện đúng quy định pháp luật về chế độ, chính sách cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn (Đầu tư tài chính, đầu tư dự án) :

Trong năm 2024, Công ty không phát sinh các khoản đầu tư này

3.2. Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết:

Đầu tư vào công ty con:

Công ty TNHH May Tân Mỹ

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2024): 15.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ.
- Tình hình hoạt động SXKD Công ty TNHH May Tân Mỹ năm 2024 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Tỷ lệ Tăng/Giảm
				2024 so với 2023
1	Doanh thu thuần	1.034	1	-99,90%
2	Giá vốn hàng bán	1.932		-100,00%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1	7,8	680,00%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	8.119	4.695	-42,17%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-9.017	-4.687	Giảm lỗ 48,02%
6	Lợi nhuận khác	144	1.593	1006,25%
7	Lợi nhuận trước thuế	-8.873	-3.093	Giảm lỗ 65,14%
8	Lợi nhuận sau thuế	-9.626	-3.141	Giảm lỗ 67,37%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty TNHH May Tân Mỹ lỗ trước thuế 3,1 tỷ đồng, lỗ sau thuế 3,1 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do thiếu đơn hàng để hoạt động. Do đó Công ty đã bị tạm ngưng sản xuất, phải cắt giảm lao động chỉ giữ lại một số nhân viên gián tiếp bảo quản tài sản nên vẫn phát sinh chi phí lương, xử lý nước thải và các chi phí cố định khác như chi phí duy tu hạ tầng, khấu hao, dịch vụ bảo vệ nên kết quả kinh doanh lỗ.

Tính đến thời điểm 31/12/2024, số lỗ lũy kế đến cuối kỳ của Công Ty TNHH May Tân Mỹ là 38 tỷ đồng, tồn kho hàng gia công từ vải từ đơn đặt hàng của Công ty mẹ là 22.657.511.307 đồng, đồng thời Công ty TNHH May Tân Mỹ đã ứng trước tiền gia công của Công ty mẹ là 49.237.383.447 đồng.

Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2024): 86.000.000.000 đồng - Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Garmex Quảng Nam đầu tư góp vốn 100% vốn vào Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ (Blue Saigon LLC). Năm 2024, đã hoàn tất thủ tục giải thể Blue Saigon LLC và chấm dứt Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.
- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam năm 2024:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Tỷ lệ Tăng/Giảm
				2024 so với 2023
1	Doanh thu thuần	2.193		-100,00%
2	Giá vốn hàng bán	4.840		-100,00%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1	12,6	1.160,00%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	7.965	8.291	4,09%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-10.611	-8.278	Giảm lỗ 21,99%
6	Lợi nhuận khác	93	1.271	1.266,67%
7	Lợi nhuận trước thuế	-10.518	-7.007	Giảm lỗ 33,38%
8	Lợi nhuận sau thuế	-11.965	-7.008	Giảm lỗ 41,43%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam năm 2024 lỗ trước thuế 7 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do không có đơn hàng để hoạt động. Do đó Công ty đã bị tạm ngưng sản xuất, cắt giảm lao động, chỉ giữ lại một số nhân viên gián tiếp bảo quản tài

sản nên vẫn phát sinh chi phí lương, xử lý nước thải và các chi phí cố định khác như chi phí duy tu hạ tầng, khấu hao, dịch vụ bảo vệ nên kết quả kinh doanh lỗ.

Tính đến thời điểm 31/12/2024, tồn kho hàng gia công từ vải từ đơn đặt hàng của Công ty mẹ là 42.509.269.303 đồng.

Công ty cổ phần Phú Mỹ

Trong năm 2024, Công ty không có khoản đầu tư tăng vốn góp tại Công ty cổ phần Phú Mỹ. Giá trị đầu tư tính đến ngày 31/12/2024 là 23.914.030.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu: 32,47% Vốn điều lệ.

Theo báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty cổ phần Phú Mỹ kê khai thuế thì số lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2023 của Công ty cổ phần Phú Mỹ là -28.200.101.722 đồng.

Các khoản đầu tư tài chính:

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á

- Số cổ phần: 252.045 cổ phần
- Giá trị gốc đầu tư: 3.998.050.000 VND (trích lập dự phòng khoản đầu tư: 2.183.326.000 VND)

Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

- Số cổ phần: 38.074 cổ phần.
- Giá trị gốc đầu tư: 1.269.730.000 VND

Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gia Định

- Số cổ phần: 843.950 cổ phần
- Giá trị gốc đầu tư: 10.127.400.000 VND

Thay đổi tình hình đầu tư tài chính: không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ lệ Tăng/Giảm
			2024 so với 2023
Tổng giá trị tài sản	419.077.780.479	375.947.251.647	-10,29%
Doanh thu thuần	8.296.582.790	2.127.943.650	-74,35%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-45.860.783.160	-45.797.260.858	Giảm lỗ 0,14%
Lợi nhuận khác	1.307.233.579	5.568.622.567	325,99%
Lợi nhuận trước thuế	-44.553.549.581	-40.228.638.291	Giảm lỗ 9,71%
Lợi nhuận sau thuế	-51.944.754.105	-29.881.480.249	Giảm lỗ 42,47%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán hiện hành:	Lần	19,30	42,18
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	10,41	20,96
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	6,37	2,69%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	6,80	2,76%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,13	0,002
+ Vòng quay Tổng Tài sản	Vòng	0,02	0,005
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-626,10	-1.404,24
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-12,36	-7,88
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	-10,88	-7,52
+ Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	-552,77	-2.152,18

Chỉ số khả năng thanh toán

Công ty luôn chủ động thanh toán đầy đủ các khoản nợ và kịp thời cân đối cơ cấu tài sản – nguồn vốn nhằm duy trì tốt khả năng thanh toán và tính thanh khoản. Do đó, các chỉ số thanh toán của Công ty vẫn được duy trì ở mức cao. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 42,18 lần, tăng 22,88 lần so với năm 2023; hệ số thanh toán nhanh đạt mức 20,96 lần, tăng 10,55 lần so với năm 2023.

Chỉ số đòn bẩy tài chính

Trong năm 2024, Công ty không có đơn hàng để hoạt động nên nhu cầu về vốn lưu động giảm. Tổng nợ phải trả năm 2024 giảm 26,7 tỷ đồng xuống còn 10,1 tỷ đồng, giảm 62,16% so với năm 2023. Nguyên nhân là do giảm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả phải nộp, thuế hoãn lại phải trả. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 lỗ nên lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ ghi nhận số âm làm giảm giá trị tổng tài sản của Công ty. Tổng nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024 là 366 tỷ đồng, giảm 6,76% so với năm 2023. Vì vậy, hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm so với cùng kỳ năm trước lần lượt đạt 2,69% và 2,76%

Chỉ số năng lực hoạt động

Năm 2024, Công ty không có đơn hàng để hoạt động, Công ty đã bị tạm ngưng sản xuất để giảm thiểu thiệt hại. Hàng lưu kho tù vải chưa được xuất vẫn phải tiếp tục lưu kho trong khi doanh thu giảm đáng kể so với cùng kỳ. Do đó, hệ số vòng quay hàng tồn kho và hệ số vòng quay tổng tài sản năm 2024 lần lượt đạt 0,002 và 0,005 vòng.

Chỉ số khả năng sinh lợi

Năm 2024 kết quả kinh doanh công ty ghi nhận số âm do không có đơn hàng sản xuất nên các chỉ số về khả năng sinh lợi của Công ty mang giá trị âm.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1. Cổ phần: Thông tin cổ phần tại thời điểm 31/12/2024

- Tổng số cổ phần phát hành : 33.000.259
- Cổ phiếu quỹ : 49.260
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 32.950.999
- Loại cổ phần : phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

5.2. Cơ cấu cổ đông : Cập nhật theo Danh sách cổ đông chốt ngày 28.05.2024

Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu:

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu Hạn chế chuyển nhượng	Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%) / VĐL
I. Người nội bộ	-	54.164	54.164	0,16%
II. Cổ phiếu quỹ	-	49.260	49.260	0,15%
III. Công đoàn Công ty	-	-	-	-
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-
V. Cổ đông khác	-	32.896.835	32.896.835	99,69%
1. Trong nước	-	30.599.672	30.599.672	92,73%
1.1 Cá nhân	-	6.184.634	6.184.634	18,74%
1.2 Tổ chức	-	24.415.038	24.415.038	73,98%
- Trong đó Nhà nước:	-	-	-	-
2. Nước ngoài	-	2.297.163	2.297.163	6,96%
2.1 Cá nhân	-	1.592.118	1.592.118	4,82%
2.2 Tổ chức	-	705.045	705.045	2,14%
TỔNG CỘNG	-	33.000.259	33.000.259	100,00%

Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
A. Cổ đông nhà nước							
Tổng Cộng A					-	-	-
B. Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)							
1	Nhóm cổ đông lớn (1 nhóm): Lâm Tử Thanh				3.594.832	10,89%	-
1.1	<i>Trong đó: - Cá nhân ông Lâm Tử Thanh sở hữu</i>	079058020245	04/09/2022	06 Trần Quang Diệu, P13, Q3, Tp.HCM	2.357.090	7,14%	-
1.2	<i>- Đại diện Công Ty TNHH Thương Mại Á Châu</i>	0301444866	27/01/1992	06 Trần Quang Diệu, P13, Q3, Tp.HCM	618.871	1,88%	-
1.3	<i>- Đại diện Công ty TNHH Tân Á</i>	049523	07/10/2004	Số 6 Trần Quang Diệu, P.13, Q.3, TPHCM	618.871	1,88%	-
2	Cty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	0300989419	24/03/2023	56 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, TpHCM	5.224.705	15,83%	-

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
3	Công ty Cổ Phần Dệt May Gia Định	0300744507	27/07/2022	10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP HCM	3.324.629	10,07%	-
4	Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Và Đầu Tư Thừa Thiên Huế	3300101484	04/07/2022	93 An Dương Vương, P. An Đông, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	4.360.227	13,21%	-
5	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh XNK Bình Thạnh	0302181666	21/10/2020	334A Phan Văn Trị, P.11, Q.Bình Thạnh, HCM	2.337.622	7,08%	-
6	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư T.T.A	0315279901	25/01/2019	Tầng 2, Hà Đô Airport Building, Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TPHCM	5.006.286	15,17%	-
Tổng Cộng B					23.848.301	72,27%	-
C. Cổ đông chiến lược: không có							
Tổng Cộng C					-	-	-
D. Cổ đông sáng lập: không có							
Tổng Cộng D					-	-	-
Tổng Cộng (A+B+C+D)					23.848.301	72,27%	-

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty : Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn là 0% theo công văn chấp thuận của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước số 3862/UBCK-PTTT ngày 20/06/2023.

5.3. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2024:** Không thay đổi

5.4. **Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2024 :** Không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

5.5. **Các chứng khoán khác:** Trong năm 2024, Công ty không phát sinh bất cứ giao dịch chứng khoán nào.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

6.1.1. Tổng lượng phát thải khí nhà kính trong năm 2024:

Trong năm 2024, Công ty đã tạm ngưng sản xuất và cắt giảm hầu hết lao động, chỉ còn 31 người, chủ yếu là tiêu thụ điện, nước trong sinh hoạt hằng ngày và bảo quản hàng hóa trong kho nên lượng phát thải ra môi trường không đáng kể như sau:

❖ **Lượng khí nhà kính (GHG) phát thải trực tiếp từ hoạt động hàng ngày của Công ty:**

Lượng điện tiêu thụ trong năm 2024 : 231.449 Kwh

- Dữ liệu tính toán: Lượng điện tiêu thụ (Đơn vị: Kwh) được thống kê theo các hoá đơn trong năm 2024.
- Cơ sở tính toán: Hệ số chuyển đổi nhiên liệu sử dụng (Đơn vị: Kwh) sang lượng phát thải CO2 (Đơn vị: Tấn CO2) được tính theo Hệ số phát thải khí nhà kính của mạng lưới điện Việt Nam (Tính đến hết ngày 31/12/2023).
- Cách thức tính toán (Bảng số liệu đính kèm):

STT	Năm	Năng lượng tiêu thụ	Đơn vị	Lượng tiêu thụ (Thống kê chi tiết từ hoá đơn hàng tháng)	Hệ số phát thải theo mạng lưới điện Việt Nam (Tấn CO2/MWh)	Lượng phát thải khí nhà kính (Tấn CO2)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5)*(6)/1000
1	2024	Electricity	Kwh	231,449	0.6592	152.57
TỔNG CỘNG						152.57

- Lượng phát thải khí nhà kính (GHG) : **152,57 Tấn CO2 (1)** từ sử dụng điện trong năm 2024

Phát sinh từ nước thải của hệ thống xử lý nước thải:

- Dữ liệu tính toán: Số lượng lao động và số ngày làm việc được thống kê theo từng tháng trong năm 2024.
- Cơ sở tính toán: Hệ số phát thải BOD từ con người, MCF, chuyển đổi BOD phát thải (Đơn vị: g) sang lượng phát thải CO2 (Đơn vị: Tấn CO2) được tính theo Bảng 6.4 - Hướng dẫn của IPCC (2006) về kiểm kê hệ thống phát thải khí nhà kính quốc gia.
- Cách thức tính toán (Theo bảng số liệu) như sau:

STT	Tháng (Năm 2024)	Châu lục	Số lượng lao động (Thống kê hàng tháng)	BOD (Châu Á) (g/người/ngày)	Ngày làm việc trong tháng	Lượng khí nhà kính phát thải (Kg CH4 / Kg BOD hoặc COD)	MCF	Tổng lượng phát thải từ khí CH4 (Kg)	Tổng lượng khí phát thải chuyển đổi từ CH4 sang CO2 (Tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (4)*(5)*(6)*(7)*(8) / 1000	(10) = (9)*28 / 1000
1	1	Châu Á	35	40	26	0,6	0,5	4,10	0,115
2	2	Châu Á	35	40	26	0,6	0,5	4,10	0,115
3	3	Châu Á	35	40	26	0,6	0,5	4,10	0,115
4	4	Châu Á	35	40	26	0,6	0,5	4,10	0,115
5	5	Châu Á	35	40	26	0,6	0,5	4,10	0,115
6	6	Châu Á	34	40	26	0,6	0,5	3,98	0,111
7	7	Châu Á	34	40	26	0,6	0,5	3,98	0,111
8	8	Châu Á	33	40	26	0,6	0,5	3,86	0,108
9	9	Châu Á	32	40	26	0,6	0,5	3,74	0,105
10	10	Châu Á	32	40	26	0,6	0,5	4,38	0,128
11	11	Châu Á	31	40	26	0,6	0,5	4,43	0,124
12	12	Châu Á	31	40	26	0,6	0,5	4,43	0,124
TỔNG CỘNG								0,049	1,385

- Lượng phát thải khí nhà kính (GHG) từ nước thải : **1,385 Tấn CO2 (2)**

Xăng sử dụng cho các phương tiện giao thông vận chuyển hàng hoá và con người:

- Dữ liệu tính toán: Lượng xăng tiêu thụ được thống kê theo hoá đơn hàng tháng trong năm 2024.
- Cơ sở tính toán: Hệ số chuyển đổi nhiên liệu sử dụng (Đơn vị: Lit) sang lượng phát thải CO2 (Đơn vị: Tấn CO2) được tính theo hướng dẫn của IPCC (2006) về kiểm kê hệ thống phát thải khí nhà kính quốc gia.
- Cách thức tính toán (Theo bảng số liệu) như sau:

STT	Tháng (Năm 2023)	Nhiên liệu sử dụng (Năng dùng cho hoạt động giao thông vận tải)	Đơn vị	Số lượng (Tổng hợp theo hoá đơn hàng tháng)	Nhiệt lượng (TJ/Gg)	Giá trị nhiệt lượng chuyển đổi (TJ)	Các yếu tố phát thải ra ngoài môi trường (Kg/TJ)			Kết quả			
							Kg CO2	Kg CH4	Kg N2O	Lượng CO2 phát thải (Tấn)	Lượng CH4 phát thải (Tấn)	Lượng N2O phát thải (Tấn)	Tổng lượng phát thải tính theo lượng CO2 (Tấn CO2)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5)*(6)/10 ⁶	(8)	(9)	(10)	(11) = (7)*(8)/1000	(12) = (7)*(9)/1000	(13) = (7)*(10)/1000	(14) = (11) + (12 * 28) + (13 * 265)
1		Car Gasoline	litres	670									
		(d=0.73 kg/l)	kg	489,10	44,3	0,0217	69,300	33	3,2	1,5015	0,0007150	0,0000693	1,53993
2		Car Gasoline	litres	320									
		(d=0.73 kg/l)	kg	233,60	44,3	0,0103	69,300	33	3,2	0,7171	0,0003415	0,0000331	0,73549
3		Car Gasoline	litres	320									
		(d=0.73 kg/l)	kg	233,60	44,3	0,0103	69,300	33	3,2	0,7171	0,0003415	0,0000331	0,73549
4		Car Gasoline	litres	610									
		(d=0.73 kg/l)	kg	445,30	44,3	0,0197	69,300	33	3,2	1,3671	0,0006510	0,0000631	1,40202
5		Car Gasoline	litres	510									
		(d=0.73 kg/l)	kg	372,30	44,3	0,0165	69,300	33	3,2	1,1430	0,0005443	0,0000528	1,17218
6		Car Gasoline	litres	440									
		(d=0.73 kg/l)	kg	321,20	44,3	0,0142	69,300	33	3,2	0,9861	0,0004696	0,0000455	1,01129
7		Car Gasoline	litres	400									
		(d=0.73 kg/l)	kg	292,00	44,3	0,0129	69,300	33	3,2	0,8964	0,0004269	0,0000414	0,91936
8		Car Gasoline	litres	385									
		(d=0.73 kg/l)	kg	281,05	44,3	0,0125	69,300	33	3,2	0,8628	0,0004109	0,0000398	0,88488
9		Car Gasoline	litres	335									
		(d=0.73 kg/l)	kg	244,55	44,3	0,0108	69,300	33	3,2	0,7508	0,0003575	0,0000347	0,76996
10		Car Gasoline	litres	320									
		(d=0.73 kg/l)	kg	233,60	44,3	0,0103	69,300	33	3,2	0,7171	0,0003415	0,0000331	0,73549
11		Car Gasoline	litres	270									
		(d=0.73 kg/l)	kg	197,10	44,3	0,0087	69,300	33	3,2	0,6051	0,0002881	0,0000279	0,62057
12		Car Gasoline	litres	315									
		(d=0.73 kg/l)	kg	229,95	44,3	0,0102	69,300	33	3,2	0,7059	0,0003362	0,0000326	0,72400
TỔNG CỘNG										10,970	0,0052	0,0005	11,251

– Lượng phát thải khí nhà kính (GHG): **11,251 Tấn CO2 (3)**
từ sử dụng nhiên liệu xăng

Dầu DO sử dụng cho các phương tiện giao thông vận chuyển hàng hoá và con người:

- Dữ liệu tính toán: Lượng Dầu DO tiêu thụ được thống kê theo các hoá đơn hàng tháng trong năm 2024.
- Cơ sở tính toán: Hệ số chuyển đổi nhiên liệu sử dụng (Đơn vị: Lit) sang lượng phát thải CO2 (Đơn vị: Tấn CO2) được tính theo hướng dẫn của IPCC (2006) về kiểm kê hệ thống phát thải khí nhà kính quốc gia.
- Cách thức tính toán (Theo bảng số liệu) như sau:

STT	Tháng (Năm 2024)	Nhiên liệu sử dụng (Dầu DO dùng cho hoạt động giao thông vận tải)	Đơn vị	Số lượng (Tổng hợp theo hoá đơn hàng tháng)	Nhiệt lượng (TJ/Gg)	Giá trị nhiệt lượng chuyển đổi (TJ)	Các yếu tố phát thải ra ngoài môi trường (Kg/TJ)			Kết quả			
							Kg CO2	Kg CH4	Kg N2O	Lượng CO2 phát thải (Tấn)	Lượng CH4 phát thải (Tấn)	Lượng N2O phát thải (Tấn)	Tổng lượng phát thải tính theo lượng CO2 (Tấn CO2)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5)*(6)/10 ⁶	(8)	(9)	(10)	(11) = (7)*(8)/1000	(12) = (7)*(9)/1000	(13) = (7)*(10)/1000	(14) = (11) + (12 * 28) + (13 * 265)
1	1	Diesel Oil	litres	20									
		(d= 0.84kg/l)	kg	17	43	0,0007	74,100	3,9	3,9	0,0535	0,0000028	0,0000028	0,054
2	2	Diesel Oil	litres	0									
		(d= 0.84kg/l)	kg	0	43	0,0000	74,100	3,9	3,9	0,0000	0,0000000	-	-
3	3	Diesel Oil	litres	20									
		(d= 0.84kg/l)	kg	17	43	0,0007	74,100	3,9	3,9	0,0535	0,0000028	0,0000028	0,054
4	4	Diesel Oil	litres	140									
		(d= 0.84kg/l)	kg	118	43	0,0051	74,100	3,9	3,9	0,3747	0,0000197	0,0000197	0,380
5	5	Diesel Oil	litres	20									
		(d= 0.84kg/l)	kg	17	43	0,0007	74,100	3,9	3,9	0,0535	0,0000028	0,0000028	0,054
6	6	Diesel Oil	litres	30									
		(d= 0.84kg/l)	kg	25	43	0,0011	74,100	3,9	3,9	0,0803	0,0000042	0,0000042	0,082
7	7	Diesel Oil	litres	0									
		(d= 0.84kg/l)	kg	0	43	0,0000	74,100	3,9	3,9	0,0000	0,0000000	-	-
8	8	Diesel Oil	litres	0									
		(d= 0.84kg/l)	kg	0	43	0,0000	74,100	3,9	3,9	0,0000	0,0000000	-	-
9	9	Diesel Oil	litres	0									
		(d= 0.84kg/l)	kg	0	43	0,0000	74,100	3,9	3,9	0,0000	0,0000000	-	-
10	10	Diesel Oil	litres	50									
		(d= 0.84kg/l)	kg	42	43	0,0018	74,100	3,9	3,9	0,1338	0,0000070	0,0000070	0,136
11	11	Diesel Oil	litres	40									
		(d= 0.84kg/l)	kg	34	43	0,0014	74,100	3,9	3,9	0,1071	0,0000056	0,0000056	0,109
12	12	Diesel Oil	litres	30									
		(d= 0.84kg/l)	kg	25	43	0,0011	74,100	3,9	3,9	0,0803	0,0000042	0,0000042	0,082
TỔNG CỘNG										0,937	0,0000	0,0000	0,951

– Lượng phát thải khí nhà kính (GHG): **0,951 Tấn CO2 (4)**
từ sử dụng dầu DO cho vận chuyển

Lượng CO2 từ các bình chữa cháy phát thải trong năm 2024:

- Dữ liệu tính toán: Lượng CO2 phát thải từ các bình chữa cháy năm 2024
- Cơ sở tính toán: Kiểm đếm số lượng thực tế các bình chữa cháy
- Lượng phát thải khí nhà kính (GHG) từ bình chữa cháy : **0,025 Tấn CO2 (5)**

Tổng lượng phát thải khí nhà kính (GHG) = (1) + (2) + (3) + (4) + (5)

trực tiếp trong năm 2024 = 166,187 Tấn CO2 (I)

❖ Lượng khí nhà kính (GHG) phát thải gián tiếp từ hoạt động đi lại của người lao động đến nơi làm việc:

- Dữ liệu tính toán: Số lượng lao động, số ngày làm việc và khoảng cách trung bình từ nhà đến nơi làm việc của người lao động được thống kê theo từng tháng trong năm 2024.
- Cơ sở tính toán: Hệ số chuyển đổi quãng đường (Đơn vị: Km) sang lượng phát thải CO2 (Đơn vị: Tấn CO2) được tính theo hệ phát thải khí nhà kính theo hướng dẫn của IPCC (2006) và kiểm kê hệ thống phát thải khí nhà kính quốc gia.
- Cách thức tính toán (Bảng số liệu đính kèm):

STT	Tháng (Năm 2024)	Số lượng phương tiện cá nhân (Xe máy)	Quãng đường trung bình từ nhà đến Công ty (Km)	Số ngày làm việc trong tháng	Kg CO2 (Kg/xe-đi)	Kg CH4 (Kg/xe-đi)	Kg N2O (Kg/xe-đi)	Lượng khí thải CO2 (Tấn)	Lượng khí thải CH4 (Tấn)	Lượng khí thải NO2 (Tấn)	Lượng phát thải khí nhà kính (Tấn CO2)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	$(9)=(3)*(4)*(5)*2*(6)/1000$	$(10)=(3)*(4)*(5)*2*(7)/1000000$	$(11)=(3)*(4)*(5)*2*(8)/1000000$	$(12)=(9)+(10)+(11)*265$
1	1	35	5	26	0,189	0,07	0,007	1,7199	0,000637	0,000637	1,755
2	2	35	5	26	0,189	0,07	0,007	1,7199	0,000637	0,000637	1,755
3	3	35	5	26	0,189	0,07	0,007	1,7199	0,000637	0,000637	1,755
4	4	35	5	26	0,189	0,07	0,007	1,7199	0,000637	0,000637	1,755
5	5	35	5	26	0,189	0,07	0,007	1,7199	0,000637	0,000637	1,755
6	6	34	5	26	0,189	0,07	0,007	1,67076	0,0006188	0,0006188	1,704
7	7	34	5	26	0,189	0,07	0,007	1,67076	0,0006188	0,0006188	1,704
8	8	33	5	26	0,189	0,07	0,007	1,62162	0,0006006	0,0006006	1,654
9	9	32	5	26	0,189	0,07	0,007	1,57248	0,0005824	0,0005824	1,604
10	10	32	5	26	0,189	0,07	0,007	1,57248	0,0005824	0,0005824	1,604
11	11	31	5	26	0,189	0,07	0,007	1,52334	0,0005642	0,0005642	1,554
12	12	31	5	26	0,189	0,07	0,007	1,52334	0,0005642	0,0005642	1,554
TỔNG CỘNG								19,75428	0,0073164	0,0073164	20,153

- Lượng phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp: **20,153 Tấn CO2 (II)**

Tổng lượng phát thải khí nhà kính (GHG) = (I) + (II)

trực tiếp và gián tiếp trong năm 2024 = 186,34 Tấn CO2

6.1.2. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu khí nhà kính áp dụng năm 2024:

Lượng phát thải khí CO2 năm 2024 (186,34 Tấn CO2) giảm 71,71% so với năm 2023 (658,72 Tấn CO2), nguyên nhân chủ yếu do Công ty vẫn còn bị tạm ngưng sản xuất, lao động ít và thường xuyên nhắc nhở người lao động trong việc tiết kiệm các nguồn tài nguyên (điện, nước, nhiên liệu...).

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Năm 2024, Công ty vẫn còn bị tạm ngưng sản xuất nên không sử dụng nguyên phụ liệu sản xuất. Công ty chỉ sử dụng chủ yếu giấy cho in ấn văn bản: 252 kg giảm 33,33% so với năm 2023 (378kg). Tỷ lệ tái chế giấy để sử dụng lại là 0%.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

Tổng năng lượng tiêu thụ trực tiếp:

STT	Tổng năng lượng sử dụng	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2024/2023
1	Tổng lượng điện tiêu thụ	Kw-h	5.374.936	3.302.160	728.931	231.449	-68,25%
2	Tổng lượng xăng tiêu thụ	Lít	11.786	16.703	5.615	4.895	-12,82%
3	Tổng lượng dầu DO tiêu thụ	Lít	34.175	24.205	2.573	350	-86,40%

Năng lượng tiêu thụ trong năm 2024 giảm so với năm 2023, do Công ty tạm ngừng sản xuất, năng lượng tiêu thụ chủ yếu cho việc lưu giữ, bảo quản hàng tồn kho và hoạt động của văn phòng.

6.4. Tiêu thụ nước:

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước sử dụng năm 2022(m ³)	Tổng lượng nước sử dụng năm 2023(m ³)	Tổng lượng nước sử dụng năm 2024(m ³)	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2024/2023	Tổng lượng nước tái chế sử dụng năm 2024 (m ³)
1	Nước Thủy cục	51.010	13.980	3.735	-73,28%	0
Tổng cộng		51.010	13.980	3.735	-73,28%	0

Trong năm 2024, Công ty sử dụng 3.735 m³ nước. Toàn bộ lượng nước tiêu thụ chủ yếu dùng cho mục đích sinh hoạt của người lao động, chăm sóc cây cảnh. Công ty cũng chưa có hệ thống tái chế nước thải nên không có lượng nước sử dụng do tái chế. Lượng nước sử dụng trong năm 2024 giảm 73,28% so với năm 2023 do Công ty vẫn còn bị tạm ngừng sản xuất, lao động giảm 11,4% lao động so với năm 2023.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường (có hệ thống xử lý nước thải ra môi trường, phân loại rác thải). Do đó, trong thời gian qua Garmex Saigon chưa vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật liên quan đến vấn đề này.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

6.6.1. Số lượng lao động, thu nhập trung bình đối với người lao động

Lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2024: 31 người tương ứng giảm 11,4% (tại ngày 31/12/2023 là 35 người)

Phân loại	Thu nhập trung bình năm 2023 (đồng/người/tháng)	Thu nhập trung bình năm 2024 (đồng/người/tháng)	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2024/2023
Thu nhập của người lao động	9.396.013	15.065.076	60%

Lao động bình quân năm 2024 là 34 người giảm hơn lao động bình quân năm 2023 là 194 người, chủ yếu là giảm lao động trực tiếp.

Thu nhập bình quân năm 2023 được tính trên lao động trực tiếp được trả theo hình thức lương sản phẩm và lao động gián tiếp được trả theo hình thức lương khoán. Năm 2024, Công ty không có đơn hàng nên lao động trực tiếp hầu như đã giảm gần hết chỉ giữ lại một số nhân viên gián tiếp và cán bộ chủ chốt làm công tác chuyên môn nghiệp vụ. Do đó, thu nhập bình quân năm 2024 chỉ tính trên lao động gián tiếp nên có mới có sự chênh lệch đáng kể về mức thu nhập bình quân đầu người khi so sánh thu nhập bình quân năm 2024 và năm 2023.

6.6.2. Các chính sách liên quan đến người lao động:

Năm 2024, mặc dù bị tạm ngưng sản xuất nhưng Hội Đồng Quản Trị, Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn chú trọng và quan tâm đến người lao động, cụ thể các công tác chăm lo cho người lao động năm 2024 như sau:

⚡ An toàn lao động:

- Trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân và phổ biến các quy định về an toàn trong lao động.
- Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Công ty và các nhà máy nhằm đảm bảo các thiết bị vận hành tốt khi có sự cố xảy ra.

⚡ Lương, thưởng, phúc lợi:

- Chính sách chăm lo cho người lao động 2024: Tổ chức chăm lo cho cán bộ, công nhân viên nữ nhân ngày 8/3, 20/10, chăm lo cho người lao động nhân các ngày Lễ lớn trong năm.
- Mặc dù kết quả kinh doanh không đạt kế hoạch nhưng để động viên tinh thần, Công ty và Công đoàn đã trích Quỹ phúc lợi và kinh phí công đoàn 290.938.600 đồng để chăm lo Tết cho người lao động.

⚡ Các chương trình chăm sóc sức khỏe người lao động:

- Công ty có các chính sách hỗ trợ cho người lao động khi gặp vấn đề về sức khỏe.
- 100% CBCNV được tham gia bảo hiểm y tế, thất nghiệp, tai nạn lao động đáp ứng tiêu chuẩn về sử dụng lao động. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động

⚡ Công tác chăm lo đời sống cho lao động và thân nhân:

- Mừng cưới người lao động, chi ma chay cho thân nhân người lao động, chi nghỉ mát.
- Chăm lo cho các cháu thiếu nhi con của người lao động nhân ngày 1/6 và Tết Trung thu.
- Người lao động được bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

6.6.3. Công tác đào tạo, phát triển người lao động:

Các Nhà máy, Phòng ban trong Công ty thường xuyên trao đổi, cập nhật các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động để đáp ứng tốt công việc, nhiệm vụ được giao.

6.7. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Năm 2024, mặc dù kinh tế gặp nhiều khó khăn, Công ty không có đơn hàng, bị tạm ngưng sản xuất, cắt giảm hầu hết lao động nhưng Công ty vẫn chăm lo cho bà mẹ Việt Nam anh hùng tại tỉnh Bến Tre hàng năm với số tiền là 11.430.000 đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh: Trong năm 2024, Công ty không tham gia hoạt động này

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2024

1. Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Năm 2024, Công ty không có đơn hàng để sản xuất, hoạt động kinh doanh vẫn còn lỗ, không đạt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2023	Thực hiện Năm 2024	Kế hoạch Năm 2024	TH 2024/ KH 2024	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2024 so với 2023
1	Doanh thu thuần	8.296.582.790	2.127.943.650	50.462.000.000	4,22%	-74,35%
2	Thu nhập khác	1.383.309.330	9.095.020.439	156.000.000.000	5,83%	557,48%
3	Lợi nhuận trước thuế	-44.553.549.581	-40.228.638.291	40.000.000.000	Không đạt	Giảm lỗ 9,71%
4	Tỷ lệ LNTT/DTT	-	-	79,27%	Không đạt	-
5	Cổ tức/VĐL(%)	0%	-	0%	-	-

Doanh thu

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Doanh thu xuất khẩu	49.317	310	0
2	Doanh thu nội địa	242.859	7.987	2.128
3	Doanh thu hoạt động tài chính	41.053	7.540	4.588
4	Thu nhập khác	9.242	1.383	7.822
	Tổng doanh thu	342.471	17.120	14.538

Năm 2024, Công ty vẫn chưa có đơn hàng may mặc và chưa giải quyết được hàng tồn kho tú vải nên không có Doanh thu xuất khẩu. Do vậy, Công ty vẫn tiếp tục tập trung vào bảo vệ tài sản, phòng cháy chữa cháy, xử lý thanh lý nguyên phụ liệu tồn kho lâu năm và có kế hoạch khai thác các mặt bằng hiện có chưa sử dụng.

Chi phí sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2023	Thực hiện Năm 2024	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2024 so với 2023
1	Giá vốn hàng bán	12.299.993.015	192.127.044	-98,44%
2	Chi phí tài chính	1.235.459.685	244.162.629	-80,24%
3	Chi phí bán hàng	8.319.462	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.685.504.422	45.659.660.117	-4,25%
5	Chi phí khác	76.075.751	3.526.397.872	4535,38%

Trong năm 2024, Công ty vẫn phải duy trì nhân sự kho, nhân viên nghiệp vụ gián tiếp nên vẫn phát sinh chi phí tiền lương, chi phí khấu hao, thuê đất và các chi phí khác.

Chi phí tài chính giảm 80,24% so với năm 2023 chủ yếu do là giảm khoản chênh lệch tỷ giá.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Tài sản ngắn hạn	1.011.790	618.953	328.335	204.688	187.315
2	Tài sản dài hạn	211.000	208.429	207.057	214.390	188.632
	Tổng tài sản	1.222.790	827.382	535.592	419.078	375.947

Năm 2024 tổng tài sản của công ty giảm từ 419 tỷ đồng xuống còn 375,9 tỷ đồng chủ yếu là do trong năm 2024 Công ty đã thanh lý toàn bộ nguyên phụ liệu tồn kho lâu năm không sử dụng và một số máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ không cần dùng nên tài sản của Công ty giảm.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Nợ ngắn hạn	547.987	107.624	73.141	10.607	4.440
Nợ dài hạn	16.375	17.122	14.205	16.093	5.662
Vốn chủ sở hữu	658.428	702.637	448.046	392.378	365.845
Tổng nguồn vốn	1.222.790	827.382	535.392	419.078	375.947

Trong cơ cấu nợ phải trả, nợ dài hạn chiếm tỷ trọng cao hơn nợ ngắn hạn. Nợ dài hạn chủ yếu là khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 4,6 tỷ đồng, khoản trích dự phòng trợ cấp phải trả cho người lao động khi nghỉ việc theo luật quy định là 1 tỷ đồng. Năm 2024, Công ty không có đơn hàng sản xuất nên không phát sinh khoản vay ngắn hạn. Công ty sử dụng vốn lưu động hiện có để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn.

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Vốn lưu động ròng (triệu đồng)	463.802	511.329	255.194	194.081	182.875
Vòng quay vốn lưu động	3,94	2,18	0,76	0,04	0,01

Vòng quay vốn lưu động ròng năm 2024 giảm từ 0,04 lần xuống 0,01 lần, tương ứng giảm 75% nguyên nhân là do doanh thu thuần giảm 74%, vốn lưu động ròng giảm 6% so với năm trước từ đó làm cho vòng quay vốn lưu động giảm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức: Cơ cấu nhân sự phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh, phù hợp hoạt động của công ty. Trong năm công ty đã giảm lao động (giảm từ 35 người còn 31 người) để giảm thiểu chi phí.

Chính sách hoạt động: Đảm bảo người lao động làm việc trong môi trường an toàn và được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Công tác quản lý Công ty: Kiểm tra, bảo quản máy móc thiết bị nhà xưởng trong thời gian ngừng sản xuất.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty xác định ngành may vẫn là ngành nghề chính. Tuy nhiên, để khôi phục và phát triển bền vững ngành may thì vẫn còn nhiều khó khăn, các điều kiện về xanh hóa ngành may vẫn chưa chuyển đổi kịp. Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu đầu tư các ngành mới theo xu thế để phát triển Công ty trong trung và dài hạn.

Giải pháp để hoàn thành kế hoạch:

- Tiếp tục tiết giảm chi phí
- Tăng cường công tác bảo quản tài sản.

- Hợp tác với các đối tác để khai thác các mặt bằng hiện có.
- Đẩy nhanh các thủ tục để chuyển nhượng bán các tài sản không sử dụng
- Thúc đẩy đối tác để giao hàng.
- Kinh doanh nhà thuốc tại 213 Hồng Bàng.
- Theo dõi, thúc đẩy Công ty cổ phần Phú Mỹ hoàn thành Dự án nhà ở Phú Mỹ để bán sản phẩm nhằm thu hồi vốn đầu tư.
- Đảm bảo thu nhập ổn định và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : Không có, do Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty mẹ và hợp nhất được Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam chấp thuận toàn bộ.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

6.1. Chỉ tiêu về môi trường

Phát thải khí nhà kính (GHG) trong năm 2024: Lượng khí nhà kính (GHG) trong năm 2024 của Công ty phát thải ra ngoài môi trường là 186,34 tấn CO₂ và chiếm tỷ lệ không đáng kể là 0,00005884% so với lượng phát thải khí nhà kính (GHG) của Việt Nam (316.700.000 tấn CO₂/năm - theo Báo cáo cập nhật 2 năm một lần - cập nhật lần thứ 3 vào năm 2020 của Bộ Tài Nguyên Môi Trường Việt Nam gửi Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu), do lượng phát thải khí nhà kính tại Công ty chủ yếu phát sinh từ năng lượng điện tiêu thụ, không do việc đốt các nhiên liệu hoá thạch nên tác động không đáng kể đến môi trường.

Tiêu thụ nước trong năm 2024: Lượng nước tiêu thụ trong năm 2024 của Công ty là 3.735 m³ chủ yếu để sử dụng cho mục đích sinh hoạt của người lao động và chăm sóc cây, tiết kiệm nước sạch giảm 73,28% so với năm 2023.

Tiêu thụ năng lượng trong năm 2024: Các nguồn năng lượng Công ty đã tiêu thụ trong năm 2024 bao gồm: Điện phục vụ cho nhu cầu lưu trữ, bảo quản hàng hóa, phục vụ sinh hoạt cho người lao động; Xăng và dầu sử dụng cho hoạt động vận chuyển hàng hoá, con người. Các số liệu thực tế được ghi nhận từ các hoá đơn tài chính trong năm 2024 cho thấy các nguồn năng lượng sử dụng đều giảm mạnh so với năm 2024 (Điện giảm 68,25%; Xăng giảm 12,82%; Dầu DO giảm 86,40%), nguyên nhân do Công ty vẫn còn bị tạm ngưng sản xuất.

6.2. Trách nhiệm quản lý môi trường, phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động.

Trong năm 2024, Công ty không xảy ra bất kỳ tai nạn nào liên quan đến môi trường, cháy nổ, an toàn lao động và được ghi nhận lại bởi cơ quan quản lý của Nhà nước nên Công ty đã hoàn thành trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và địa phương.

6.3. Đánh giá liên quan đến người lao động:

Thu nhập trung bình của người lao động trong năm 2024:

Lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2024: 31 người tương ứng giảm 11,4% (tại ngày 31/12/2023 là 35 người).

Phân loại	Thu nhập trung bình năm 2023 (đồng/người/tháng)	Thu nhập trung bình năm 2024 (đồng/người/tháng)	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2024/2023
Thu nhập của người lao động	9.396.013	15.065.076	60%

Lao động bình quân năm 2024 là 34 người giảm hơn lao động bình quân năm 2023 là 194 người, trong chủ yếu là giảm lao động trực tiếp.

Thu nhập bình quân năm 2023 được tính trên lao động trực tiếp được trả theo hình thức lương sản phẩm và lao động gián tiếp được trả theo hình thức lương khoán. Năm 2024, Công ty không có đơn hàng nên đã lao động trực tiếp hầu như đã giảm gần hết chỉ giữ lại một số nhân viên gián tiếp và cán bộ chủ chốt làm công tác chuyên môn nghiệp vụ do đó thu nhập bình quân năm 2024 chỉ tính trên lao động gián tiếp nên có mới có sự chênh lệch đáng kể về mức thu nhập bình quân đầu người khi so sánh thu nhập bình quân năm 2024 với năm 2023.

Công tác chăm lo cho người lao động:

Bên cạnh thực hiện tốt các chế độ phúc lợi bảo hiểm bắt buộc, cung cấp các trang thiết bị, bảo hộ cá nhân, Công ty còn hỗ trợ người lao động các khoản phụ cấp khác như mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động và mặc dù kết quả kinh doanh không đạt kế hoạch nhưng để động viên tinh thần, Công ty và Công đoàn vẫn cố gắng trích số tiền 290.938.600 đồng để chăm lo Tết cho người lao động.

6.4. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Trong năm 2024, Công ty đã hỗ trợ chăm lo cho bà mẹ Việt Nam anh hùng tại tỉnh Bến Tre với số tiền là 11.430.000 đồng.
- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao bởi Ban Chỉ huy Quân sự địa phương trong công tác giữ gìn an ninh, quốc phòng toàn dân.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2024

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2024

Về Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2024

Nhằm giảm thiểu những thiệt hại, Công ty đã thực hiện các giải pháp sau:

- Tiếp tục tạm ngưng sản xuất, cắt giảm lao động.
- Tăng cường công tác bảo quản tài sản, xử lý và thanh lý nguyên phụ liệu tồn kho lâu năm.
- Đẩy nhanh các thủ tục để chuyển nhượng bán các tài sản không sử dụng.
- Tìm kiếm đối tác để khai thác các mặt bằng hiện có.
- Thúc đẩy khách hàng giải quyết hàng tồn kho (tù vải).
- Kinh doanh nhà thuốc tại 213 Hồng Bàng.

Hoạt động đầu tư dự án: Năm 2024, Công ty không triển khai dự án nào. Hầu hết các khoản đầu tư tài chính vẫn duy trì, giá trị vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần Phú Mỹ ngày 31/12/2024 là 23.914.030.000 VNĐ – Tỷ lệ sở hữu: 32,47% Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Phú Mỹ.

Trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng: Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Garmex Saigon luôn nhận thức được vai trò của việc giữ gìn bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Thời gian qua, Công ty đã liên tục thực hiện các biện pháp nhằm cải thiện môi trường, tuân thủ pháp luật về môi trường cũng như đóng góp cho phát triển kinh tế xã hội tại địa phương như:

- Chú trọng công tác đảm bảo an toàn đối với người lao động, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn chất lượng về môi trường.
- Hệ thống xử lý chất thải cũng được Công ty quan tâm xem xét, đảm bảo xử lý tốt chất thải trước khi thải ra môi trường, trong đó các loại chất thải được phân loại trước khi tiến hành xử lý, đưa ra môi trường.
- Hệ thống xử lý nguồn cấp nước tại Công ty đã được tách bỏ tạp chất, đảm bảo có thể uống được ngay từ bất kỳ vòi nước nào tại Công ty, đảm bảo an toàn vệ sinh và sức khỏe cho người lao động tại Công ty.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Những mặt làm được

- Trước tình hình không có đơn hàng, Ban điều hành Công ty đã tích cực tìm kiếm đối tác hợp tác để khai thác mặt bằng hiện có và đã tìm được 01 đối tác để hợp tác kinh doanh các bộ môn thể thao, dự kiến sẽ có doanh thu năm 2025.
- Tiếp tục công tác bảo quản hàng tồn kho, máy móc thiết bị, an toàn phòng cháy chữa cháy trong thời gian tạm ngưng sản xuất.
- Đã tiến hành các thủ tục để xử lý, thanh lý nguyên phụ liệu tồn kho lâu năm cũng như chuyển nhượng dần những tài sản không sử dụng. Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty đã thanh lý toàn bộ nguyên phụ liệu tồn kho với số tiền thu được là 1.519.000.400 đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT) và đã thanh lý một số máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ với số tiền là 9.283.352.903 đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT) - Chiếm 2,4% tổng giá trị tài sản Công ty theo Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2024.
- Tiến hành các thủ tục để đa dạng hóa ngành nghề, tìm kiếm cơ hội hợp tác kinh doanh mới cho Công ty : Kinh doanh bán lẻ thuốc tại 213 Hồng Bàng.

Những mặt chưa làm được và nguyên nhân

Chưa giao được hàng tồn kho từ vải cho GILIMEX do GILIMEX đang trong quá trình khởi kiện Amazon (khách hàng của GILIMEX) để giải quyết hàng tồn kho. Ban điều hành Công ty đã và đang tiếp tục phối hợp chặt chẽ với GILIMEX để giải quyết vấn đề này.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Đánh giá về triển vọng năm 2025

Đánh giá về triển vọng chung kinh tế toàn cầu

Bước sang năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với những thách thức lớn từ căng thẳng địa - chính trị khó lường, các chính sách liên quan đến thương mại và hàng rào thuế quan là những thách thức cho tăng trưởng thương mại toàn cầu. Kinh tế thế giới, theo Dự báo từ các tổ chức quốc tế như Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) sẽ tăng trưởng dao động trong khoảng 3,2% - 3,3% trong năm 2025 từ mức 3,2% của năm 2024.

Trước bối cảnh kinh tế thế giới năm 2025 với nhiều biến động và rủi ro sẽ tiếp tục tạo nên những cơ hội và thách thức đan xen đối với triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, thuế quan và các biện pháp phi thuế quan đang được áp dụng ngày càng nhiều trong thương mại quốc tế, càng gây khó khăn cho xuất khẩu của Việt Nam đến thị trường lớn thế giới.

Với kết quả tích cực trong tăng trưởng kinh tế năm 2024 (Tăng trưởng GDP 7,09%), tạo đà, khí thế mới để phấn đấu tăng trưởng bứt phá trong năm 2025, với tinh thần khẩn trương, quyết tâm, không ngừng đổi mới sáng tạo, phát huy tính tự lực, tự cường, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 8% trở lên trong năm 2025.

Đánh giá về triển vọng ngành may

Theo đánh giá của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas), tín hiệu tăng trưởng thị trường dệt may ngày càng tốt hơn khi một số thị trường nhập khẩu chủ đạo Mỹ, châu Âu (EU), Nhật Bản... đang tiếp tục ghi nhận sự phục hồi kinh tế, nhu cầu tiêu dùng tăng, tồn kho giảm mạnh. Với những động lực thể chế mới như tinh gọn bộ máy, giảm thiểu chi phí cơ hội của doanh nghiệp, lực lượng lao động trẻ, dồi dào, kỹ năng may của công nhân Việt Nam tốt, ngành dệt may đặt mục tiêu xuất khẩu của năm 2025 là 48 tỷ USD. Tuy nhiên, ngành dệt may Việt Nam cũng gặp thách thức khi hiện đang phải cạnh tranh gay gắt với Bangladesh, với chi phí nhân công rẻ, đã sớm áp dụng chuyển đổi xanh, trong khi ngành dệt may Việt Nam mới đang trên những bước đầu của chuyển đổi.

3.2. Chiến lược phát triển Công ty trong năm 2025

Công ty xác định ngành may vẫn là ngành nghề chính. Tuy nhiên, tình hình ngành may của Công ty vẫn còn khó khăn về đơn hàng. Các điều kiện về xanh hóa ngành may vẫn chưa chuyển đổi kịp. Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu đầu tư các ngành mới theo xu thế để phát triển Công ty trong trung và dài hạn vì ngành truyền thống đang rất khó khăn.

Về đối nội:

- Tiếp tục tiết giảm chi phí
- Tăng cường công tác bảo quản tài sản.
- Đẩy nhanh các thủ tục để chuyển nhượng bán các tài sản không sử dụng
- Kinh doanh nhà thuốc tại 213 Hồng Bàng.
- Đảm bảo thu nhập ổn định và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.

Về đối ngoại:

- Thúc đẩy đối tác để giao hàng tồn kho (tù vải)
- Theo dõi, thúc đẩy Công ty cổ phần Phú Mỹ hoàn thành Dự án nhà ở Phú Mỹ để bán sản phẩm nhằm thu hồi vốn đầu tư.
- Tích cực hợp tác với các đối tác để khai thác các mặt bằng hiện có.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)****1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 27/06/2024 đã kết thúc nhiệm kỳ 2018 – 2023 của Hội đồng quản trị và bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 – 2029 gồm 05 thành viên sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Ông LÊ VĂN HÙNG	Chủ tịch HĐQT - Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	
2	Ông NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%	Ông Nguyễn Việt Cường đã thông báo từ nhiệm kể từ ngày 01/10/2024 và đang đợi Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua.
3	Ông BÙI MINH TUẤN	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%	
4	Ông TRẦN NGUYỄN ANH MINH	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%	
5	Bà NGUYỄN THỊ DIỄM MY	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%	

Tóm tắt Lý lịch**Ông LÊ VĂN HÙNG – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ngày tháng năm sinh : 02/06/1975

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - chuyên ngành Kế toán

Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ tại tổ chức khác:

- Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Transimex
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ Bến Thành

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vinafreight
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Phú Nhuận
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần XNK và Đầu tư Chợ lớn (Cholimex)

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
- Tổ chức có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Ông NGUYỄN VIỆT CƯỜNG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày tháng năm sinh : 27/10/1976
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - chuyên viên kế toán, kiểm toán quốc tế (FCCA)
- Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn (đã có thông báo từ nhiệm kể từ ngày 01/10/2024 và đang đợi Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua)
- Chức vụ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh và đã có Đơn từ nhiệm kể từ ngày 01/10/2024

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
- Tổ chức có liên quan nắm giữ: Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh: 2.337.622 cổ phần, chiếm 7,09% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Ông BUI MINH TUẤN – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày tháng năm sinh : 28/02/1971
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính ngân hàng
- Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần VINAPRINT
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Transimex (TMS)
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Thương mại Phú Nhuận
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Merufa
- Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Vina

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
- Tổ chức có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

Ông TRẦN NGUYỄN ANH MINH - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày tháng năm sinh : 12/01/1988
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
- Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Chức vụ tại tổ chức khác : Chủ tịch Công Ty TNHH May Tân Mỹ
 Tổng số cổ phần nắm giữ:
 – Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 – Tổ chức có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Bà NGUYỄN THỊ DIỄM MY - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày tháng năm sinh : 10/12/1989
 Trình độ chuyên môn : Tài chính kế toán (Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng)
 Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
 Chức vụ tại tổ chức khác : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định
 Tổng số cổ phần nắm giữ:
 – Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 – Tổ chức có liên quan nắm giữ: Công ty cổ phần Dệt may Gia Định: 3.324.629 cổ phần, chiếm 10,089% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

1.2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị Nhiệm kỳ (2024-2029) chưa thành lập các Tiểu ban. Hiện nay, Hội đồng Quản trị hoạt động trên cơ sở các thành viên cùng bàn bạc, quyết định về định hướng chiến lược phát triển, đầu tư, nhân sự, lương thưởng để Ban điều hành và cán bộ quản lý thực hiện.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.3.1 Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

Năm 2024, Hội đồng quản trị có 14 cuộc họp, trong đó có 04 cuộc họp trực tiếp và 10 cuộc họp với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị cũng như lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản đều tuân thủ đúng quy định của Luật và Điều lệ Công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông LÊ VĂN HÙNG	14/14	100%	
2	Ông NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	13/14	92%	Có Thông báo từ nhiệm kể từ ngày 01/10/2024
3	Ông BÙI MINH TUẤN	14/14	100%	
4	Ông TRẦN NGUYỄN ANH MINH	14/14	100%	
5	Bà NGUYỄN THỊ DIỄM MY	04/14	28%	Mới được ĐHĐCĐ thường niên 2024 bầu vào thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029 từ ngày 27/06/2024
6	Ông TRẦN VŨ	10/14	71%	ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 ngày 27/06/2024 kết thúc nhiệm kỳ 2018-2023 của thành viên HĐQT

1.3.2 Nội dung và kết quả của các cuộc họp Hội đồng quản trị

Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị đã được thông qua với kết quả biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ thông qua theo quy định của Luật, Điều lệ Công ty và ban hành các Nghị quyết với nội dung sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ- HĐQT/2024	11/01/2024	Thông qua việc thanh lý xe ô tô, xe tải, máy móc thiết bị sản xuất, máy móc thiết bị và dụng cụ của nhà ăn, IT, máy giặt, máy sấy phòng Lab	100%
2	02/NQ- HĐQT/2024	15/01/2024	Thông qua việc chăm lo Tết Nguyên Đán cho người lao động	100%
3	03/NQ- HĐQT/2024	15/01/2024	Hỗ trợ xử lý các khoản ứng tồn đọng	100%
4	04/NQ- HĐQT/2024	19/02/2024	Thông qua Dự án đầu tư Nhà thuốc Hồng Bàng	100%
5	05/NQ- HĐQT/2024	26/02/2024	Chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua kế hoạch chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đất thuê) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (là công trình xây dựng) của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn và Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	100%
6	06/QĐ- HĐQT/2024	19/03/2024	Thông qua tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
7	07/NQ- HĐQT/2024	22/03/2024	Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
8	09/NQ- HĐQT/2024	04/04/2024	Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2024	100%
9	10/NQ- HĐQT/2024	12/04/2024	Thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
10	11/NQ- HĐQT/2024	19/04/2024	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đất thuê) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (là công trình xây dựng) của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	100%
11	12/NQ- HĐQT/2024	04/06/2024	Thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
12	13/NQ- HĐQT/2024	05/07/2024	Bầu ông Lê Văn Hùng giữ chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029	80%
13	14/NQ- HĐQT/2024	08/07/2024	Chọn Cty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2024 của Công ty	100%
14	15/NQ- HĐQT/2024	26/07/2024	Thanh lý nguyên phụ liệu tồn kho và giảm giá thanh lý xe ô tô, xe tải.	80%
15	16/NQ- HĐQT/2024	26/07/2024	Kế hoạch công việc cho 6 tháng cuối năm 2024	100%
16	17/NQ- HĐQT/2024	24/12/2024	Giảm giá thanh lý xe ô tô, xe tải.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	18/NQ- HĐQT/2024	24/12/2024	Giảm giá thanh lý máy móc thiết bị	100%
18	19/NQ- HĐQT/2024	24/12/2024	Các công việc cần thực hiện : Thông qua chủ trương khai thác các mặt bằng và sửa chữa tường rào Công ty.	100%

1.3.3 Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Về điều hành sản xuất kinh doanh:

Năm 2024, Công ty vẫn còn bị tạm ngưng sản xuất kinh doanh chính, Công ty tập trung chủ yếu công tác bảo quản tài sản, xử lý và thanh lý nguyên phụ liệu tồn kho lâu năm. Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và định hướng chiến lược của HĐQT, đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế Công ty:

- Tiếp tục tiết giảm chi phí
- Tăng cường công tác bảo quản tài sản, xử lý và thanh lý nguyên phụ liệu tồn kho lâu năm. Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty đã thanh lý toàn bộ nguyên phụ liệu tồn kho với số tiền thu được là 1.519.000.400 đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT)
- Tìm kiếm đối tác để khai thác các mặt bằng hiện có.
- Đẩy nhanh các thủ tục để chuyển nhượng bán các tài sản không sử dụng. Tính đến ngày 31/12/2024 đã thanh lý một số máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ với số tiền là 9.283.352.903 đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT) - Chiếm 2,4% tổng giá trị tài sản Công ty theo Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2024.
- Thúc đẩy đối tác để giao hàng. Tuy nhiên, vẫn chưa giao được hàng tồn kho 160.660 sản phẩm tủ vải (số tiền gia công hàng tồn kho và khách hàng chưa thanh toán là 121.907.164.547 đồng).
- Đã triển khai kinh doanh Nhà thuốc tại 213 Hồng Bàng (Được Sở Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp phép đủ điều kiện kinh doanh dược – Bán lẻ thuốc)
- Theo dõi, thúc đẩy Công ty cổ phần Phú Mỹ về Dự án nhà ở Phú Mỹ để bán sản phẩm nhằm thu hồi vốn góp. (Công ty cổ phần Phú Mỹ đã thi công xong hạ tầng).
- Đảm bảo thu nhập ổn định và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.

Về quản lý tài chính:

- Năm 2024, Công ty vẫn còn bị tạm ngưng sản xuất kinh doanh chính do không có đơn hàng nên doanh thu không đáng kể.
- Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định.
- Chỉ đạo và giám sát việc quản lý, tiết kiệm chi phí trong điều hành hoạt động.
- Giám sát việc phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Về tổ chức bộ máy hoạt động:

Hội đồng quản trị giám sát việc tổ chức lại bộ máy hoạt động của Công ty

- Cắt giảm lao động để giảm thiểu thiệt hại. Tính đến 31/12/2024, Công ty còn 31 lao động (Bao gồm Công ty mẹ và các Công ty con).
- Rà soát lại các quy định, chi phí vận hành bộ máy để tiết kiệm chi phí tối đa cho Công ty.

Về đầu tư trong năm 2024: Không có

1.3.4 Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị ;

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng về quản trị, giám sát, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như việc chỉ đạo, giám sát và triển khai thực hiện

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị ban hành trong năm 2024, đảm bảo Ban Giám đốc thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung Nghị quyết. Đồng thời, chỉ đạo các giải pháp để Ban điều hành thực hiện, tuy nhiên do tình hình hoạt động kinh doanh còn khó khăn nên không hoàn thành mục tiêu chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Hội đồng quản trị Công ty có 01 thành viên độc lập. Với vai trò là thành viên độc lập đã tham gia, đề xuất và khuyến nghị những ý kiến đóng góp cho định hướng chiến lược phát triển Công ty (đa dạng hóa ngành nghề, thanh lý tài sản không sử dụng...), giám sát một số vấn đề quản trị về tài chính để giảm thiểu các rủi ro, nâng cao hiệu suất kiểm soát và hiệu quả hoạt động để cố gắng thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ được giao. Thường xuyên kịp thời đưa ra các giải pháp để đảm bảo tình hình tài chính của Công ty được ổn định, cũng như quản lý tốt chi phí, các hạng mục đầu tư. Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, bao gồm các cuộc họp định kỳ hàng quý và các cuộc họp bất thường.

Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị Nhiệm kỳ 2024-2029 chưa thành lập các Tiểu ban. Hiện nay, Hội đồng Quản trị hoạt động trên cơ sở các thành viên cùng bàn bạc, quyết định về định hướng chiến lược phát triển, đầu tư, nhân sự, lương thưởng để Ban điều hành và cán bộ quản lý thực hiện.

Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty đã tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành.

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị thực hiện tốt vai trò của mình trong việc duy trì hoạt động và tổ chức các cuộc họp, tiến hành biểu quyết thông qua các quyết định phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp tập trung và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra các định hướng, chiến lược và chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát thường xuyên đối với các hoạt động của Công ty để Tổng Giám đốc thực hiện, điều hành phù hợp với quy định.

Về hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo của HĐQT đưa ra, được Tổng Giám đốc triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, đã nỗ lực, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty, tổ chức kiểm soát và quản lý của Công ty được duy trì. Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

1.5. Đào tạo về quản trị công ty

Năm 2024, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phụ trách quản trị công ty và các cán bộ quản lý khác của Công ty chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty. Tuy nhiên, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Giám đốc và Phụ trách quản trị Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật, đồng thời cử đại diện tham gia buổi đào tạo, phổ biến, thảo luận về các văn bản pháp luật, quy định về quản trị Công ty do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức (Tham dự diễn đàn vì một mùa Đại hội đồng cổ đông đổi mới và hiệu quả do Ủy ban chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) phối hợp với VIOD, Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (“HOSE”) tổ chức, tham gia khóa tập huấn về thực hiện các quy định pháp luật về công bố thông tin, về quản trị Công ty do UBCKNN và HOSE tổ chức.

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty : Không có
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm 2024 : Không có

2. Ban Kiểm soát (“BKS”)

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 27/06/2024 đã kết thúc nhiệm kỳ 2018-2023 của thành viên BKS, đồng thời bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2024-2029 gồm 03 thành viên sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết
1	Ông TÙ VĨ TRÍ	Trưởng BKS	0	0%
2	Ông MAI THANH TOL	Thành viên BKS	0	0%
3	Bà TRẦN THỊ THU YẾN	Thành viên BKS	0	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Cuộc họp của Ban kiểm soát :

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Ông TÙ VĨ TRÍ	7/7	100%	
2	Ông MAI THANH TOL	2/7	29%	Mới được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 bầu vào thành viên BKS nhiệm kỳ 2024-2029 từ ngày 27/06/2024 và không tham dự 01 cuộc họp BKS ngày 11/09/2024
3	Bà TRẦN THỊ THU YẾN	3/7	43%	Mới được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 bầu vào thành viên BKS nhiệm kỳ 2024-2029 từ ngày 27/06/2024
4	Bà PHAN THỊ PHƯỢNG	4/7	57%	ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 27/06/2024 kết thúc nhiệm kỳ 2018-2023 của BKS
5	Bà LÊ THỊ CHÍN	4/7	57%	ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 27/06/2024 kết thúc nhiệm kỳ 2018-2023 của BKS

Nội dung và kết quả các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã có 07 cuộc làm việc, trao đổi xin ý kiến để thực hiện các chức năng kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát, liên quan đến vấn đề về quản trị và tuân thủ các quy định, quy chế của Công ty.

Nội dung và kết quả các cuộc họp như sau:

STT	NGÀY HỌP	NỘI DUNG HỌP/ TRAO ĐỔI Ý KIẾN	KẾT QUẢ CUỘC HỌP/ TRAO ĐỔI Ý KIẾN
1	16/04/2024	Trao đổi các ý kiến phản hồi Ban Điều hành về công văn của CTCP Phú Mỹ liên quan đến dự án khu nhà ở Tân Mỹ.	Thông nhất ý kiến phát hành văn bản phản hồi của Ban Kiểm soát.
2	03/05/2024	Trao đổi các vấn đề trong báo cáo Ban Kiểm soát năm 2023.	Thông nhất các vấn đề cần thực hiện trong báo cáo Ban Kiểm soát.
3	08/05/2024	Thông nhất nội dung báo cáo Ban kiểm soát năm 2023.	Thông nhất và phát hành báo cáo Ban kiểm soát năm 2023.
4	25/06/2024	Trao đổi nội dung phản hồi công văn Tổng Giám đốc gửi Gilimex về giải quyết các vấn đề liên quan đến hợp đồng gia công.	Thông nhất và gửi nội dung phản hồi.
5	02/07/2024	Bầu trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029.	Thông qua kết quả bầu trưởng Ban Kiểm soát.
6	15/07/2024	Trao đổi nội dung báo cáo tình hình quản trị công ty.	Thông qua nội dung và phát hành báo cáo.
7	08/11/2024	Trao đổi nội dung báo cáo đánh giá tình hình hoạt động công ty 9 tháng đầu năm 2024	Thông qua nội dung và phát hành báo cáo.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao và khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý chi trong năm 2024.

Trong năm 2024, Công ty thực hiện chi trả thù lao năm 2024 cho các thành viên Hội Đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và lương, thưởng của Tổng giám đốc như sau:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Thù lao HĐQT, BKS năm 2024	Lương, Thưởng Năm 2024	Tổng cộng
1	Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	-	-	-
2	Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	-	-	-
3	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	60.000.000	-	60.000.000
4	Trần Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	60.000.000	-	60.000.000
5	Nguyễn Thị Diễm My	Thành viên HĐQT	30.000.000	-	30.000.000
6	Trần Vũ	Thành viên HĐQT Nhiệm kỳ 2018-2023 (ĐHĐCD thường niên 2024 kết thúc nhiệm kỳ 2018-2023 từ ngày 27/06/2024)	30.000.000	-	30.000.000

STT	Họ và Tên	Chức danh	Thù lao HDQT, BKS năm 2024	Lương, Thưởng Năm 2024	Tổng cộng
7	Từ Vĩ Trí	Trưởng BKS	38.400.000	-	38.400.000
8	Mai Thanh Tol	Thành viên BKS	14.400.000	-	14.400.000
9	Trần Thị Thu Yến	Thành viên BKS	14.400.000	-	14.400.000
10	Phan Thị Phương	Trưởng BKS nhiệm kỳ 2018-2023 (ĐHĐCĐ thường niên 2024 kết thúc nhiệm kỳ 2018-2023 từ ngày 27/06/2024)	24.000.000	-	24.000.000
11	Lê Thị Chín	Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 (ĐHĐCĐ thường niên 2024 kết thúc nhiệm kỳ 2018-2023 từ ngày 27/06/2024)	14.400.000	-	14.400.000
12	Nguyễn Minh Hằng	Tổng Giám đốc	-	978.045.447	978.045.447
	Tổng cộng :		285.600.000	978.045.447	1.263.645.447

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan của người nội bộ trong năm 2024.

- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: Không có
- Giao dịch của cổ đông lớn: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Năm 2024, Công ty không có phát sinh giao dịch với người nội bộ (Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát Ban, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Phụ trách quản trị Công ty). Tuy nhiên, phát sinh giao dịch giữa Công ty với công ty con con (bán máy móc thiết bị, tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh Nghiệp) .

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Giá trị giao dịch với Công ty năm 2024 (Từ 01/01/2024 – 31/12/2024)	Ghi chú									
1	Công Ty TNHH Garmex Quảng Nam	- Công ty con - Bà NGUYỄN MINH HẰNG - Tổng Giám đốc Garmex SaiGon là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	Giao dịch giữa Công ty với Công ty con theo Nghị quyết HĐQT số 18/NQ-HĐQT ngày 04/08/2017 cho đến khi có văn bản mới thay thế Garmex Quảng Nam bán máy móc thiết bị cho Garmex SaiGon từ các giao dịch: <table border="1" data-bbox="778 1863 1289 2020"> <thead> <tr> <th>Giao dịch</th> <th>Số lượng (Cái)</th> <th>Giá trị (VNĐ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bán máy móc thiết bị</td> <td>2</td> <td>1.271.000.000</td> </tr> <tr> <td>Cộng:</td> <td>2</td> <td>1.271.000.000</td> </tr> </tbody> </table>	Giao dịch	Số lượng (Cái)	Giá trị (VNĐ)	Bán máy móc thiết bị	2	1.271.000.000	Cộng:	2	1.271.000.000	Giao dịch giữa Công ty với Công ty con trong năm 2024.
Giao dịch	Số lượng (Cái)	Giá trị (VNĐ)											
Bán máy móc thiết bị	2	1.271.000.000											
Cộng:	2	1.271.000.000											

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty :

Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phụ trách quản trị Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật, thông lệ mới về quản trị công ty và thực hiện theo các quy định pháp luật về quản trị công ty. Tuy nhiên năm 2024, Công ty chưa thực hiện kiểm toán nội bộ.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán : Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty mẹ và hợp nhất được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) chấp thuận toàn bộ, cụ thể như sau:

- **Đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2024:** “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

- **Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024:** “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm : Ý kiến kiểm toán, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán). Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024. Toàn bộ Báo cáo tài chính hợp nhất (đính kèm theo Báo cáo này) và Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được đăng tải trên website của Công ty tại đường dẫn : <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>.

Xác nhận của Đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGĐCK Hà Nội
- CBTT trên website
- HĐQT, BKS
- Lưu VP HĐQT



NGUYỄN MINH HẰNG



Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Điện thoại: 08 38 205 944 - Fax: 08 38 205 942

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 06
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 44



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024.

I. CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300742387 đăng ký lần đầu ngày 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 mã số doanh nghiệp 0300742387 ngày 03/10/2022 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại ngày 31/12/2024 : 330.002.590.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 : 330.002.590.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh .

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết ; Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận xuất khẩu, nhập khẩu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết : Công nghiệp dệt vải các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi, bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn, loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở; trừ bán lẻ các sản phẩm như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý, đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, kim loại hoặc bằng các vật liệu khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý môi giới các sản phẩm may mặc (trừ bán các sản phẩm như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải);
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của Pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết Quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. Chi tiết: dịch vụ y tế và nha khoa, dịch vụ y tế đa khoa, dịch vụ y tế chuyên khoa;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ kho bãi (CPC 742);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 7480);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Dịch vụ thuê hoặc cho thuê máy móc thiết bị khác không có người điều hành (CPC 83109).

4. Mô hình hoạt động

Tên	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
a/ Công ty con				
Công ty TNHH Garmex Quảng Nam + Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH May Tân Mỹ + Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Blue Saigon LLC (*) + Địa chỉ: Số 11100 Đường Valley Boulevard, Phòng 222, Thành Phố El Monte, tiểu bang California, mã số bưu điện CA91731, Hoa Kỳ.		100,00%		100,00%

(*) Blue Saigon LLC đang trong quá trình tái cấu trúc và tạm thời ngưng hoạt động vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Ngày 22/11/2023, Blue Saigon LLC đã làm hồ sơ gửi Bang California để xin giải thể. Ngày 1/12/2023, Công ty nhận được chấp nhận cho phép giải thể của Bang California. Ngày 11/09/2024, Công ty đã nhận được quyết định Số 2200/QĐ-BKHĐT, của Bộ KHĐT về quyết cho phép chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của Blue Saigon LLC

b/ Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Phú Mỹ + Địa chỉ: Khu phố Trảng Cát, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	32,47%	32,47%	32,47%	32,47%
---	--------	--------	--------	--------

c/ Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ
Nhà Máy May Bình Tiên	55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh
Nhà Máy May An Phú	14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Logistics An Nhơn	252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Logistics Hồng Bàng	213 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công Ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT****Hội đồng Quản trị**

Ông	Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 05/07/2024)
Ông	Lê Văn Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05/07/2024)
Ông	Bùi Minh Tuấn	Thành viên
Ông	Trần Nguyễn Anh Minh	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Diễm My	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/06/2024)
Ông	Trần Vũ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/06/2024)
Ông	Nguyễn Thế Hiếu	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà	Nguyễn Minh Hằng	Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính
----	------------------	---------------------------------------

Ban Kiểm soát

Bà	Phan Thị Phương	Trưởng BKS (đến ngày 27/06/2024)
Bà	Lê Thị Chín	Kiểm soát viên (đến ngày 27/06/2024)
Ông	Từ Vĩ Trí	Kiểm soát viên
		Trưởng BKS (từ ngày 02/07/2024)
Bà	Trần Thị Thu Yến	Kiểm soát viên (từ ngày 27/06/2024)
Ông	Mai Thanh Tol	Kiểm soát viên (từ ngày 27/06/2024)

Đại diện pháp luật

Bà	Nguyễn Minh Hằng
----	------------------

Kế toán trưởng

Bà	Trần Thị Mỹ Hạnh
----	------------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công Ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công Ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2024, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024.

Duyệt, ngày 17 tháng 03 năm 2025

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch

Lê Văn Hùng



Duyệt, ngày 17 tháng 03 năm 2025

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

Nguyễn Minh Hằng



Số: 162/BCKT/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
của CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn được lập ngày 17/03/2025, từ trang 8 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0064-2023-142-1

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0424-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187.315.471.035	204.687.573.043
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	78.791.314.690	26.403.193.718
1. Tiền	111		5.844.668.423	7.303.193.718
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.946.646.267	19.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	680.000.000	65.968.685.907
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		680.000.000	65.968.685.907
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		908.821.727	4.467.585.267
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.103.011.740	4.723.712.358
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.168.030.258	4.113.045.096
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.400.000	284.117.900
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(7.379.620.271)	(4.653.290.087)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	94.249.844.471	94.266.805.036
1. Hàng tồn kho	141		109.020.339.897	130.054.345.585
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.770.495.426)	(35.787.540.549)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.685.490.147	13.581.303.115
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	456.401.841	1.252.814.476
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.669.444.822	10.800.576.883
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	559.643.484	1.527.911.756
4. Giao dịch mua lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.631.780.612	214.390.207.436
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		134.130.933.660	152.857.461.233
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	133.699.273.312	152.245.774.463
- Nguyên giá	222		415.293.329.213	437.811.448.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(281.594.055.901)	(285.565.674.307)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	431.660.348	611.686.770
- Nguyên giá	228		6.514.768.422	6.514.768.422
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.083.108.074)	(5.903.081.652)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	13.380.169.682	13.380.169.682
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.380.169.682	13.380.169.682
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	28.523.809.971	34.386.473.719
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.757.456.971	21.174.619.719
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.395.180.000	15.395.180.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.628.827.000)	(2.183.326.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.596.867.299	13.766.102.802
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	12.596.867.299	13.766.102.802
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.16	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		375.947.251.647	419.077.780.479

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.102.345.274	26.699.717.340
I. Nợ ngắn hạn	310		4.440.535.868	10.606.323.346
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	505.576.402	5.496.313.969
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		93.407.420	170.527.420
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.005.823	284.235.569
4. Phải trả người lao động	314		436.941.016	445.057.353
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	205.098.820	279.314.692
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	2.685.365.213	3.084.286.474
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	-	326.771.735
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		513.141.174	519.816.174
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.661.809.406	16.093.393.994
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.16	4.623.690.906	14.970.848.948
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.15	1.038.118.500	1.122.545.046
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.17	365.844.906.373	392.378.063.139
I. Vốn chủ sở hữu	410		365.844.906.373	392.378.063.139
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		330.002.590.000	330.002.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		330.002.590.000	330.002.590.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72.687.827.370	72.687.827.370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(863.138.686)	(863.138.686)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	(3.633.923.483)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		67.859.802.989	67.859.802.989
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(103.842.175.300)	(73.675.095.051)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(73.675.095.051)	(21.332.740.946)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(30.167.080.249)	(52.342.354.105)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		375.947.251.647	419.077.780.479

Lập, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Trần Thị Thu Trâm

Trần Thị Mỹ Hạnh

Nguyễn Minh Hằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.127.943.650	8.296.582.790
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.127.943.650	8.296.582.790
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	192.127.044	12.299.993.015
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.935.816.606	(4.003.410.225)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.587.908.030	7.539.733.206
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	244.162.629	1.235.459.685
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(6.417.162.748)	(467.822.572)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	-	8.319.462
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	45.659.660.117	47.685.504.422
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(45.797.260.858)	(45.860.783.160)
12. Thu nhập khác	31	VI.5	9.095.020.439	1.383.309.330
13. Chi phí khác	32	VI.6	3.526.397.872	76.075.751
14. Lợi nhuận khác	40		5.568.622.567	1.307.233.579
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(40.228.638.291)	(44.553.549.581)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	18.927.200
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(10.347.158.042)	7.372.277.324
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(29.881.480.249)	(51.944.754.105)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(29.881.480.249)	(51.944.754.105)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(907)	(1.576)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(907)	(1.576)

Lập, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Trần Thị Thu Trâm

Kế toán trưởng

Trần Thị Mỹ Hạnh

Đông Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Minh Hằng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(40.228.638.291)	(44.553.549.581)
2. Điều chỉnh cho các khoản			15.225.064.293	(9.846.965.855)
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.829.527.573	19.864.656.567
- Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	03		8.252.352.740	(24.054.634.633)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(380.041.905)	(1.651.741.723)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.476.774.115)	(4.005.246.066)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(25.003.573.998)	(54.400.515.436)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		317.372.475	7.810.008.751
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		835.437.373	(3.656.687.770)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(232.951.691)	(20.629.914.608)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.965.648.138	5.307.022.965
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(18.927.200)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(149.475.000)	(294.459.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(22.267.542.703)	(65.883.472.798)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.344.767.701)	(4.010.910.713)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		7.404.634.560	296.581.800
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(48.060.000.000)	(65.968.685.907)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		113.348.685.907	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(19.573.030.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.109.757.455	4.176.386.838
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		74.458.310.221	(85.079.557.982)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(28.889.717.151)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(28.889.717.151)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		52.190.767.518	(179.852.747.931)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	26.403.193.718	206.058.477.381
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		197.353.454	197.464.268
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	78.791.314.690	26.403.193.718

Người lập biểu

Trần Thị Thu Trâm

Kế toán trưởng

Trần Thị Mỹ Hạnh

Lập, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Minh Hằng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300742387 đăng ký lần đầu ngày 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 mã số doanh nghiệp 0300742387 ngày 03/10/2022 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại : 330.002.590.000 VND
ngày 31/12/2024

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 : 330.002.590.000 VND
Trụ sở chính của Công ty tại 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh .

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết : Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận xuất khẩu, nhập khẩu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết : Công nghiệp dệt vải các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyên);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi, bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn, loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở; trừ bán lẻ các sản phẩm như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý, đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến , gạo, đường mía và đường củ cải);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, kim loại hoặc bằng các vật liệu khác;
- Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý môi giới các sản phẩm may mặc (trừ bán các sản phẩm như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải);
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của Pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết Quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. Chi tiết: dịch vụ y tế và nha khoa, dịch vụ y tế đa khoa, dịch vụ y tế chuyên khoa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ kho bãi (CPC 742);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 7480);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Dịch vụ thuê hoặc cho thuê máy móc thiết bị khác không có người điều hành (CPC 83109).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 2 công ty con trực tiếp và 1 công ty liên kết với chi tiết như sau:

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 2 công ty

Tổng số các Công ty con đầu tư trực tiếp: 2 công ty.

Danh sách Công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất

- (1) Công ty TNHH Garmex Quảng Nam

- + Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
- + Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ: 100%

- (2) Công ty TNHH May Tân Mỹ

- + Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
- + Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ: 100%

Danh sách Công ty con đầu tư gián tiếp được hợp nhất

- (3) Blue Saigon LLC:

- + Địa chỉ: Số 11100 Đường Valley Boulevard, Phòng 222, Thành Phố El Monte, tiểu bang California, mã số bưu điện CA91731, Hoa Kỳ.
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ (thông qua tỷ lệ lợi ích của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam): 0%
- + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 0%
- + (*) Blue Saigon LLC đang trong quá trình tái cấu trúc và tạm thời ngưng hoạt động vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Ngày 22/11/2023, Blue Saigon LLC đã làm hồ sơ gửi Bang California để xin giải thể. Ngày 1/12/2023, Công ty nhận được chấp nhận cho phép giải thể của Bang California. Ngày 11/09/2024, Công ty đã nhận được quyết định Số 2200/QĐ-BKHĐT, của Bộ KHĐT về quyết cho phép chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của Blue Saigon LLC



Danh sách Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Phú Mỹ

- + Địa chỉ: Khu phố Trảng Cát, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 32,47%
- + Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ: 32,47%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ
Nhà Máy May Bình Tiên	55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh
Nhà Máy May An Phú	14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Logistics An Nhơn	252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Logistics Hồng Bàng	213 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

6. Số lượng người lao động

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 31 người. (31/12/2023: 35 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tồn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tồn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tồn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 08 năm
- Tài sản vô hình	03 - 05 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:

- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

c. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cần nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

16. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ là Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn và Báo cáo tài chính của các Công ty con Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty con và Công ty mẹ, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt (*)	66.225.640	29.025.167
Tiền gửi ngân hàng (**)	5.778.442.783	7.274.168.551
Tiền gửi VND	1.522.954.105	431.185.427
Tiền gửi ngoại tệ	4.255.488.678	6.842.983.124
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tiết kiệm dưới 3 tháng)	72.946.646.267	19.100.000.000
Tổng cộng	78.791.314.690	26.403.193.718

Ghi chú:

(*) Tiền mặt tồn quỹ khớp với biên bản kiểm kê thực tế tại ngày 31/12/2024.

(**) Tiền gửi Ngân hàng phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng tại ngày 31/12/2024.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	680.000.000	680.000.000	65.968.685.907	65.968.685.907
- Tiền gửi có kỳ hạn => 3 tháng	680.000.000	680.000.000	65.968.685.907	65.968.685.907
Tổng cộng	680.000.000	680.000.000	65.968.685.907	65.968.685.907

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>14.757.456.971</i>	-	<i>14.757.456.971</i>	<i>21.174.619.719</i>	-	<i>21.174.619.719</i>
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	14.757.456.971	-	14.757.456.971	21.174.619.719	-	21.174.619.719
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>15.395.180.000</i>	<i>(1.628.827.000)</i>	<i>13.766.353.000</i>	<i>15.395.180.000</i>	<i>(2.183.326.000)</i>	<i>13.211.854.000</i>
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (38.074 cổ phiếu)	1.269.730.000	(1.628.827.000)	(359.097.000)	1.269.730.000	-	1.269.730.000
Ngân Hàng TMCP Việt Á (252.045 Cổ phiếu)	3.998.050.000	-	3.998.050.000	3.998.050.000	(2.183.326.000)	1.814.724.000
Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Gia Định (843.950 Cổ phiếu)	10.127.400.000	-	10.127.400.000	10.127.400.000	-	10.127.400.000
Tổng cộng	30.152.636.971	(1.628.827.000)	28.523.809.971	36.569.799.719	(2.183.326.000)	34.386.473.719

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	<i>4.103.011.740</i>	<i>4.723.712.358</i>
Topo Designs	3.942.375.503	3.759.550.201
Công Ty TNHH JSP Việt Nam	133.066.217	133.066.217
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	4.100.968	4.100.968
Công Ty TNHH Sỹ Nam	1.005.053	1.005.053
Game Guard	-	196.274.635
Công Ty TNHH Xây Dựng Huy Thuộc	-	22.749.049
Phải thu khác	22.463.999	606.966.235



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	17.400.000	-	284.117.900	-
- Tạm ứng	17.400.000	-	246.500.000	-
+ Thái Hoàng Long	-	-	2.000.000	-
+ Nguyễn Thị Hồng Ngọc	-	-	242.000.000	-
+ Nguyễn Anh Tuấn	10.000.000	-	-	-
+ Ca Thanh Phú	5.000.000	-	-	-
+ Nguyễn Thị Trúc Ly	900.000	-	-	-
+ Lê Ngọc Cẩm	1.500.000	-	-	-
+ Đối tượng khác	-	-	2.500.000	-
- Phải thu khác	-	-	37.617.900	-
+ Trích trước tiền lãi Ngân hàng VCB và OCB	-	-	37.617.900	-
Tổng cộng	17.400.000	-	284.117.900	-

5. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi, trong đó:	7.789.132.781	409.512.510	4.653.290.087	-
+ Topo Designs	3.942.375.503	-	3.759.550.201	-
+ Công Ty TNHH JSP Việt Nam	133.066.217	-	133.066.217	-
+ Công Ty TNHH Sỹ Nam	1.005.053	-	1.005.053	-
+ Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	4.100.968	-	-	-
+ Công Ty TNHH Công Nghệ A.N.S.I	25.642.500	-	-	-
+ Công Ty TNHH SX DV TM Cách Kiệm	75.000.000	-	-	-
+ Công Ty Cổ Phần Tin Học Lạc Việt	741.727.000	-	-	-
+ Công Ty TNHH Kiến Trúc Mỹ Phú	125.400.000	-	-	-
+ Trung Tâm Thiết Bị PCCC 4/10	1.768.852.080	117.923.472	-	-
+ Công Ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Đại Nghĩa Thành	105.299.460	31.589.838	-	-
+ Công Ty TNHH Thương Mại Hưng Thảo	866.664.000	259.999.200	-	-
+ Gear Coop	-	-	99.005.883	-
+ Mammoth Mountaineering Supply	-	-	181.402.346	-
+ South Central Athlete	-	-	29.377.600	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

+ Game Guard	-	-	196.274.635	-
+ Gordon'S Golf, Ski, & Snowboard	-	-	68.035.632	-
+ Hoopes On The Go Corp.	-	-	48.160.000	-
+ Kirkham S Outdoor	-	-	58.213.400	-
+ Active Republic	-	-	41.562.080	-
+ Blue In Green	-	-	37.637.040	-
Tổng cộng	7.789.132.781	409.512.510	4.653.290.087	-

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	59.095.242	-	21.664.210.881	(20.939.113.255)
- Công cụ, dụng cụ	1.626.833.805	-	1.099.398.428	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	85.974.011.730	(14.770.495.426)	86.051.943.598	(14.848.427.294)
- Hàng hóa	121.606.442	-	-	-
- Hàng gửi đi bán	21.238.792.678	-	21.238.792.678	-
Tổng cộng	109.020.339.897	(14.770.495.426)	130.054.345.585	(35.787.540.549)

7. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Chi phí SXKD dở dang dài hạn	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	13.380.169.682	13.380.169.682	13.380.169.682	13.380.169.682
Trong đó:				
+ Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-
+ Xây dựng cơ bản dở dang	13.380.169.682	13.380.169.682	13.380.169.682	13.380.169.682
- Quyền sử dụng đất tại 213 Hồng Bàng, Q5 (*)	10.020.000.000	10.020.000.000	10.020.000.000	10.020.000.000
- Tiền đất xây dựng nhà ở cho công nhân tại Cụm Công Nghiệp Hắc Dịch (**)	1.830.600.000	1.830.600.000	1.830.600.000	1.830.600.000
- Xây dựng cơ bản 213 Hồng Bàng	1.529.569.682	1.529.569.682	1.529.569.682	1.529.569.682
- Khác	-	-	-	-
Tổng cộng	13.380.169.682	13.380.169.682	13.380.169.682	13.380.169.682

Ghi chú:

(*) Đây là số tiền Công ty đã nộp vào Ngân sách Nhà nước theo thông báo định giá quyền sử dụng đất tại 213 Hồng Bàng (đã hết hiệu lực), hiện công ty đang trong quá trình chờ hướng dẫn chỉ đạo tiếp theo từ các cơ quan ban ngành có liên quan.

(**) Đây là số tiền Công ty đã thanh toán cho Công ty cổ phần Phú Mỹ để mua hai thửa đất số 479 và 450 tại Tổ 8, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xây dựng nhà ở cho công nhân.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	227.916.230.130	175.292.051.115	17.076.999.045	17.526.168.480	-	437.811.448.770
2. Số tăng trong năm	103.000.000	-	-	-	-	103.000.000
- Mua trong năm	103.000.000	-	-	-	-	103.000.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	21.489.284.187	324.000.000	807.835.370	-	22.621.119.557
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	21.489.284.187	324.000.000	807.835.370	-	22.621.119.557
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	228.019.230.130	153.802.766.928	16.752.999.045	16.718.333.110	-	415.293.329.213
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	97.645.825.944	159.005.571.673	15.042.091.614	13.872.185.076	-	285.565.674.307
2. Khấu hao trong năm	8.632.677.823	7.943.394.245	818.491.466	1.254.937.617	-	18.649.501.151
- Khấu hao tăng trong năm	8.632.677.823	7.943.394.245	818.491.466	1.254.937.617	-	18.649.501.151
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	21.489.284.187	324.000.000	807.835.370	-	22.621.119.557
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	21.489.284.187	324.000.000	807.835.370	-	22.621.119.557
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	106.278.503.767	145.459.681.731	15.536.583.080	14.319.287.323	-	281.594.055.901
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	130.270.404.186	16.286.479.442	2.034.907.431	3.653.983.404	-	152.245.774.463
2. Tại ngày cuối năm	121.740.726.363	8.343.085.197	1.216.415.965	2.399.045.787	-	133.699.273.312

Ghi chú: Trong giai đoạn năm tài chính 2024, Công ty hạch toán khấu hao tài sản cố định trong giai đoạn thu hẹp hoạt động vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	6.514.768.422	6.514.768.422
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	6.514.768.422	6.514.768.422
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	5.903.081.652	5.903.081.652
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	180.026.422	180.026.422
- Khấu hao tăng trong năm	-	-	-	180.026.422	180.026.422
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	6.083.108.074	6.083.108.074
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	611.686.770	611.686.770
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	431.660.348	431.660.348

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	456.401.841	1.252.814.476
- Công cụ, dụng cụ	85.837.494	657.904.622
- Chi phí khác	370.564.347	594.909.854
b. Dài hạn	12.596.867.299	13.766.102.802
- Quyền SD đất tại Hắc dịch- Bà Rịa Vũng Tàu	7.195.632.880	7.430.273.083
- Quyền SD đất tại Huyện Thăng Bình -Quảng Nam	5.302.266.664	5.440.586.664
- Máy móc thiết bị	-	320.962.099
- Công cụ, dụng cụ	69.697.139	442.649.262
- Phần mềm	-	-
- Chi phí khác	29.270.616	131.631.694
Tổng cộng	13.053.269.140	15.018.917.278

Ghi chú: Trong giai đoạn năm tài chính 2024, Công ty hạch toán phân bổ công cụ dụng cụ trong giai đoạn thu hẹp hoạt động vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	505.576.402	505.576.402	5.496.313.969	5.496.313.969
- Công Ty TNHH MTV Phát triển Công Nghệ Môi Trường Bách Khoa	32.745.800	32.745.800	-	-
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Điện Xanh	6.595.113	6.595.113	10.170.696	10.170.696
- Công Ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Long Hoàng	200.880.000	200.880.000	204.120.000	204.120.000
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bao Bì Thuận Lợi Phát	19.129.200	19.129.200	-	-
- Công Ty Đầu Giá Hợp Danh Minh Phát	25.000.000	25.000.000	-	-
- Công Ty CP Phú Mỹ	33.189.591	33.189.591	35.199.968	35.199.968
- Công Ty TNHH Thương Mại Hưng Thao	-	-	167.964.300	167.964.300
- Công Ty TNHH Xây Dựng Huy Thước	80.000.000	80.000.000	1.990.803.401	1.990.803.401
- Công Ty CP Tư Vấn Đầu Tư Thiên Phú Gia	7.454.545	7.454.545	170.454.545	170.454.545
- Đối tượng khác	100.582.153	100.582.153	2.917.601.059	2.917.601.059
Cộng	505.576.402	505.576.402	5.496.313.969	5.496.313.969

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU, PHẢI NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
a. Phải nộp	284.235.569	6.615.156.473	6.898.386.219	1.005.823
Thuế giá trị gia tăng	-	783.158.243	783.158.243	-
+ Thực nộp bằng tiền	-	-	-	-
+ Được khấu trừ	-	783.158.243	783.158.243	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	284.235.569	-	283.229.746	1.005.823
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.779.264.230	5.779.264.230	-
Thuế môn bài	-	14.000.000	14.000.000	-
Thuế tài nguyên	-	33.274.000	33.274.000	-
Thuế khác	-	5.460.000	5.460.000	-
b. Phải thu	1.527.911.756	4.509.229.740	3.540.961.468	559.643.484
Thuế xuất nhập khẩu	776.754.095	4.217.989.245	3.519.212.547	77.977.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp	447.199.792	-	-	447.199.792
Thuế thu nhập cá nhân	303.957.869	291.240.495	21.748.921	34.466.295

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

<i>Ngắn hạn</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	55.233.423	123.597.998
- Chi phí dịch vụ kiểm toán	80.000.000	132.500.000
- Chi phí phải trả khác	69.865.397	23.216.654
Cộng	205.098.820	279.314.652

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

<i>Ngắn hạn</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT...	932.476.671	913.964.946
- Khoản trích thù lao HĐQT-BKS	1.663.340.117	2.019.940.117
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	89.548.425	150.381.411

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

<i>a. Ngắn hạn</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trợ cấp mất việc làm	-	326.771.735
<i>b. Dài hạn</i>	<u>1.038.118.500</u>	<u>1.122.545.046</u>
- Trợ cấp thôi việc, mất việc, phép	1.038.118.500	1.122.545.046
Cộng	1.038.118.500	1.449.316.781

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

<i>a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khấu trừ	207.623.700	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	207.623.700	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
<i>b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	4.831.314.606	14.970.848.948
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	207.623.700	-
Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	4.623.690.906	14.970.848.948

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
a. Số dư đầu năm trước	330.002.590.000	72.687.827.370	(863.138.686)	(2.179.986.185)	67.859.802.989	(19.461.200.829)	448.045.894.659
- Tăng trong năm trước	-	-	-	(1.453.937.298)	-	(51.944.754.105)	(53.398.691.403)
- Lỗ tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	(51.944.754.105)	(51.944.754.105)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(1.453.937.298)	-	-	(1.453.937.298)
- Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	(2.269.140.117)	(2.269.140.117)
- Chi cổ tức năm 2021 tỷ lệ 50%	-	-	-	-	-	-	-
- Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.269.140.117)	(2.269.140.117)
- Giám khác	-	-	-	-	-	-	-
b. Số dư đầu năm nay	330.002.590.000	72.687.827.370	(863.138.686)	(3.633.923.483)	67.859.802.989	(73.675.095.051)	392.378.063.139
- Tăng trong năm	-	-	-	3.633.923.483	-	(29.881.480.249)	(26.247.556.766)
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	3.633.923.483	-	-	3.633.923.483
- Lỗ tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	(29.881.480.249)	(29.881.480.249)
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(285.600.000)	(285.600.000)
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(285.600.000)	(285.600.000)
c. Số dư cuối năm nay	330.002.590.000	72.687.827.370	(863.138.686)	-	67.859.802.989	(103.842.175.300)	365.844.906.373

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

17.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	330.002.590.000	330.002.590.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	330.002.590.000	330.002.590.000
b. Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

17.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.000.259	33.000.259
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.000.259	33.000.259
+ Cổ phiếu phổ thông	33.000.259	33.000.259
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu quỹ	(49.260)	(49.260)
+ Cổ phiếu phổ thông	(49.260)	(49.260)
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.950.999	32.950.999
+ Cổ phiếu phổ thông	32.950.999	32.950.999
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

17.4. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	67.859.802.989	67.859.802.989
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	513.141.174	519.816.174
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD (nguyên tệ)	168.534,12	284.177,04

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.628.796.307	7.960.627.795
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	397.859.695	335.954.995
- Doanh thu nhà thuốc	101.287.648	-
Cộng	2.127.943.650	8.296.582.790

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hoá và dịch vụ đã cung cấp	1.010.603.852	12.305.329.805
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(818.476.808)	(5.336.790)
Cộng	192.127.044	12.299.993.015

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.072.139.555	4.176.386.838
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	135.726.570	3.363.346.368
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	380.041.905	-
Cộng	4.587.908.030	7.539.733.206

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí dự phòng	100.818.000	-
- Hoàn nhập phòng đầu tư tài chính	(655.317.000)	(28.495.400)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	798.661.629	1.263.955.085
Cộng	244.162.629	1.235.459.685

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	7.404.634.560	297.045.436
- Thanh lý, hàng tồn kho (thành phẩm, nguyên phụ liệu)	1.519.000.400	-
- Thanh lý, nhượng bán CCDC	168.504.543	-
- Thu lại tiền thuế NPL của khách	-	567.989.807
- Các khoản thưởng, bồi thường	-	160.275.000
- Thu từ hỗ trợ của khách hàng	-	128.770.328
- Thu nhập khác	2.880.936	229.228.759
Cộng	9.095.020.439	1.383.309.330

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán nguyên phụ liệu, vật tư thanh lý	3.515.040.124	1.075.751
- Thanh lý, nhượng bán CCDC	9.578.034	
- Chi phí khác	1.779.714	75.000.000
Cộng	3.526.397.872	76.075.751

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
<i>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí vận chuyển	-	8.319.462
<i>b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ</i>	45.659.660.117	47.685.504.422
Chi phí nhân viên quản lý	6.928.840.802	11.136.794.869
Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	1.479.314.148	3.258.208.368
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.829.527.573	18.319.651.691
Chi phí dự phòng	3.485.998.800	191.859.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.386.743.283	6.319.860.587
Chi phí bằng tiền khác	8.549.235.511	8.459.129.304

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	380.154.600	101.909.405
- Chi phí nhân công	6.928.840.802	22.890.754.072
- Chi phí khấu hao TSCĐ	18.829.527.573	19.753.585.941
- Chi phí công cụ dụng cụ	1.480.091.148	2.928.886.875
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.468.435.435	8.928.081.947
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	3.485.998.800	191.859.603
- Chi phí khác	8.549.235.511	9.024.597.011
Cộng	46.122.283.869	63.819.674.854

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	18.927.200
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	18.927.200

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.283.432.551	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	92.149.256	7.372.277.324
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(9.909.600)	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(11.712.830.249)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(10.347.158.042)	7.372.277.324

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	(29.881.480.249)	(51.944.754.105)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	32.950.999	32.950.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(907)	(1.576)

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(29.881.480.249)	(51.944.754.105)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	32.950.999	32.950.999
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(907)	(1.576)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

- Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất: không có
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có
- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

<u>Năm nay</u>
-

 - Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường
- Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

<u>Năm nay</u>
-

 - Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác

Thông tin khác

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc hủy niêm yết bắt buộc đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (mã chứng khoán: GMC) theo Quyết định số 748/QĐ-SGDHCM ngày 30/12/2024. Theo đó:

- + Số lượng cổ phiếu hủy niêm yết: 33.000.259 cổ phiếu (Ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi chín cổ phiếu);
- + Giá trị cổ phiếu hủy niêm yết: 330.002.590.000 đồng (Ba trăm ba mươi tỷ không trăm lẻ hai triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng);
- + Lý do hủy niêm yết: Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn bị ngừng các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính từ 01 năm trở lên, thuộc trường hợp chứng khoán bị hủy niêm yết bắt buộc theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 120 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
- + Ngày hủy niêm yết có hiệu lực: 24/01/2025.
- + Ngày giao dịch cuối cùng: 23/01/2025.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo về việc chính thức đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (mã chứng khoán: GMC) vào giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 230/TB-SGDHN ngày 05/02/2025 với nội dung sau:

- + Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 33.000.259 cổ phiếu.
- + Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 330.002.590.000 đồng.
- + Ngày giao dịch đầu tiên: Ngày 12/02/2025

Theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHN ngày 10/02/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo về việc đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (mã chứng khoán: GMC) vào diện hạn chế giao dịch do Công ty bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 120 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

Theo đó:

- + Ngày đưa vào diện hạn chế giao dịch: 12/02/2025.
- + Cổ phiếu bị hạn chế về thời gian giao dịch: Chỉ được giao dịch vào phiên thứ sáu hàng tuần.

Ngày 19/02/2025, Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn công bố nghị quyết HĐQT số 02/NQ-HĐQT/2025 thông qua hợp đồng giao dịch với tổ chức có liên quan đến người nội bộ về hợp tác kinh doanh các bộ môn thể thao.

3. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh

Công Ty Cổ Phần Transimex
Công Ty Cổ Phần Phú Mỹ

Mối quan hệ

Đồng nhân sự chủ chốt

Đồng nhân sự chủ chốt
Công ty liên kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Giao dịch với bên có liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh	Doanh thu gia công và dịch vụ vận chuyển	-	-
Công Ty Cổ Phần Transimex	Chi phí nguyên vật liệu	-	-
Công Ty Cổ Phần Phú Mỹ	Phí vận chuyển	-	-
	Dịch vụ khu công nghiệp	-	448.391.067

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023
Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh	Khoản phải thu khách hàng	-	-
Công Ty Cổ Phần Transimex	Khoản phải thu khách hàng	-	-
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023
Công Ty Cổ Phần Phú Mỹ	Khoản phải trả	33.189.591	35.199.968

- Thù lao, thưởng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong kỳ như sau:

		Năm nay	Năm trước
		Thù lao năm 2024	Thù lao năm 2022
Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	-	-
	Chủ Tịch HĐQT (đến ngày 04/07/2024)	-	-
Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT	-	60.000.000
	Chủ Tịch HĐQT (từ ngày 05/07/2024)	-	-
Nguyễn Thị Diễm My	Thành viên HĐQT (từ ngày 27/06/2024)	30.000.000	-
Trần Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	60.000.000	65.000.000
Nguyễn Thế Hiếu	Thành viên HĐQT	-	30.000.000
Trần Vũ	Thành viên HĐQT (từ ngày 27/09/2023 đến 27/06/2024)	30.000.000	15.000.000
Thù lao, thưởng thành viên Ban Kiểm Soát			
Phan Thị Phượng	Trưởng BKS (đến ngày 27/06/2024)	24.000.000	48.000.000
Lê Thị Chín	Thành viên (đến ngày 27/06/2024)	14.400.000	28.800.000
Từ Vĩ Trí	Thành viên	38.400.000	28.800.000
	Trưởng BKS (từ ngày 02/07/2024)	-	-
Mai Thanh Tol	Thành viên (từ ngày 27/06/2024)	14.400.000	-
Trần Thị Thu Yến	Thành viên (từ ngày 27/06/2024)	14.400.000	-
Lương, Thưởng của Tổng Giám Đốc và người quản lý khác			
Nguyễn Minh Hằng	Tổng Giám Đốc kiêm Giám Đốc Tài Chính	978.045.447	949.570.638

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm trong ngành may mặc. Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

5. Quản lý rủi ro của công ty

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Độ nhạy về ngoại tệ: Đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

b. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

- Rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

5.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	505.576.402	-	-	505.576.402
Chi phí phải trả	205.098.820	-	-	205.098.820
Các khoản phải trả khác	2.685.365.213	-	-	2.685.365.213
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	5.496.313.969	-	-	5.496.313.969
Chi phí phải trả	279.314.652	-	-	279.314.652
Các khoản phải trả khác	3.084.286.474	-	-	3.084.286.474

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.791.314.690	26.403.193.718	78.791.314.690	26.403.193.718
Phải thu khách hàng	4.103.011.740	4.723.712.358	4.103.011.740	4.723.712.358
Trả trước cho người bán	4.168.030.258	4.113.045.096	4.168.030.258	4.113.045.096
Các khoản phải thu khác	17.400.000	284.117.900	17.400.000	284.117.900
Cộng	87.079.756.688	35.524.069.072	87.079.756.688	35.524.069.072
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	505.576.402	5.496.313.969	505.576.402	5.496.313.969
Người mua trả tiền trước	93.407.420	170.527.420	93.407.420	170.527.420
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người lao động	436.941.016	445.057.353	436.941.016	445.057.353
Chi phí phải trả khác	205.098.820	279.314.652	205.098.820	279.314.652
Các khoản phải trả khác	2.685.365.213	3.084.286.474	2.685.365.213	3.084.286.474
Cộng	3.926.388.871	9.475.499.868	3.926.388.871	9.475.499.868

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

7. Điều chỉnh trong báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của kỳ này: Không có.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Hiện Công ty thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, nhưng theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty hiện không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, nên Báo cáo này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

9. Thông tin về số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán.

Người lập biểu



Trần Thị Thu Trâm

Kế toán trưởng



Trần Thị Mỹ Hạnh



Lập, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc
Tài chính



Nguyễn Minh Hằng

